

HOÀNG LIÊN

Kể chuyện
TRĂNG
LƯỜNG



HQUSTON PUBLIC LIBRARY



33 477 000 119 472



Digitized by the Internet Archive
in 2024

HOÀNG LIÊN

Kể chuyện

Trạng **LƯỜNG**

1441 – 1496

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

KỂ CHUYỆN TRẠNG LƯỜNG

HOÀNG LIÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản: LÊ HOÀNG

Biên tập : CÚC HƯƠNG

Về bìa: DUY NGỌC

Sửa bản in : CÚC HƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B LÝ CHÍNH THẮNG - QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

In 2000 cuốn, khổ 13 × 19 tại Công ty in Chuyên Ngành Lao Động Xã Hội. Xưởng in 146 - 146 BIS Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM. Số đăng ký: 410/CXB ngày 19-05-1999 của cục xuất bản. Giấy trích ngang số 435/KHXB/1999. In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 năm 1999

LỜI NÓI ĐẦU

Sau mười năm lãnh đạo cuộc kháng chiến anh dũng chống quân Minh, Lê Lợi đã lên ngôi vua với danh hiệu Lê Thái Tổ, khai sáng ra nhà Lê, một thời đại phát triển huy hoàng của Tổ quốc vào đầu thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI nhất là nửa sau thế kỷ XV dưới triều vua Lê Thánh Tông.

Nước Đại Việt thời ấy được thống nhất, độc lập, địa vị và uy tín được nâng cao ; các nước láng giềng vị nể ; kẻ thù cũng không dám rầy rặc trợn xâm lược nước ta.

Theo nhận định của vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi là "sao khuê" dưới triều vua Lê Thái Tổ thì Trạng nguyên Lương Thế Vinh là ham mưu đặc lực nhất của vua Lê Thánh Tông. Khi Lương Thế Vinh mất, vua Lê Thánh Tông đã khóc và có bài điếu bằng thơ nôm với hai câu kết :

Khuất ngón tay, than tài cái thế

Lấy ai làm Trọng nước Nam ta !

Nhiều nhà sử học các đời sau đã hết lời ca tụng ông Trọng. Nhà bác học Lê Quý Đôn cuối thế kỷ XVIII đã đánh giá Lương Thế Vinh "tài hoa, danh vọng vượt bậc".

Cuốn sách nhỏ này kể chuyện về ông Trọng từ thời thơ ấu đến khi trở thành một ông quan chính trực, một nhà giáo, một nhà khoa học, một nhà ngoại giao, một nhà văn hóa học rộng, hiểu nhiều, suốt đời vì dân, vì nước.

Người đời quý mến ông thường gọi với cái tên nôm na Trọng Lường vì ông còn có biệt tài toán học (lường là tính toán, đo lường). Trong lúc nhiều quan trong triều chú trọng đến văn chương, thơ phú thì ông có một chí hướng độc đáo như ông từng nói : "thần cơ diệu toán vạn niên sư" (thật giỏi máy móc và tính toán sẽ là thầy muôn đời).

Vì trình độ hạn hẹp, việc sưu tầm tài liệu chưa thật đầy đủ, chắc chắn cuốn sách nhỏ này còn có những thiếu sót. Rất mong bạn đọc góp ý kiến, chân thành cảm ơn.

HOÀNG LIÊN

THỜI NIÊN THIẾU VÀ NHỮNG CHUYỆN LÝ THỨ

1. Thời thơ ấu

Cách đây gần 6 thế kỷ, ở làng Cao Hương, Sơn Nam hạ thuộc huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng (nay là làng Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) có hai vợ chồng bác nông dân Lương Thế Triệu sống rất thanh phúc, hàng xóm láng giềng không bao giờ thấy hai bác to tiếng với nhau ; song chỉ vì tuổi thiếu nên hai bác không dám nghĩ tới những ước vọng cao xa. Hai bác bận khoản, day dứt khôn nguôi chỉ mong cuộc đời khấm khá thôi chút, đỡ phải đi vay nợ. Hai vợ chồng lao động quần quật suốt ngày, giải nắng, dầm sương và tự động viên nhau bàn tay ta làm nên tất cả.

*

*

*

Vào năm Tân Dậu (1441), bác gái đã mang bầu ; bác trai vừa mừng vừa lo, tâm sự với bác

gái : "Ông thân sinh ra tôi, cụ Lương Th
Nghệ, như u nó biết đấy, sống lam lũ, ngoài b
mười tuổi mới sinh ra tôi, có học được đôi b
chữ thánh hiền, song gặp thời loạn lạc, l
nghèo, học hành dang dở". Ngừng một lát, b
xúc động nói tiếp : "Tôi cũng ham học như
cái nghèo vẫn đeo đuổi, học hành không đ
nơi đến chốn. Đất nước ta nay đã sạch b
giặc ; chế độ thi cử được minh quân Lê Thán
Tông lập lại có phần rộng rãi hơn trước, nghèo
mà học giỏi được thi Hội, thi Đình. Nếu chún
ta có con trai, chúng ta quyết cho nó học đ
đầu đến đũa để trả ơn vua, giúp ích cho đ
làm sáng danh dòng họ".

*

* *

Ngày 1 tháng 8 năm Tân Dậu, dưới m
tranh nghèo, có tiếng oe oe trẻ khóc. Bác Triệ
gái đã sinh được một bé trai kháu khỉnh. B
trai rất đổi vui mừng đặt tên con là Lương Th
Vinh. Càng lớn, cậu Vinh càng dễ coi, mặt m
sáng sữa, lanh lợi ; cậu dễ tính, biết bố m
nghèo, không vói vỉnh bố mẹ, còn biết giúp đ
gia đình những việc nhỏ. Bữa cơm đạm bạc
thức ăn chỉ rau, dưa, khi nào kiếm thêm đượ

on tép, con cua hoặc có bát canh đã là tươi
ấm.

Cậu đã đến tuổi đi học ; bố mẹ xin cho cậu
học ông đồ ở ngay trong làng. Khác với một số
trẻ gia đình sung túc, ham chơi, hết giờ học,
quăng sách, vứt vở, bố mẹ có nhắc nhở thì kêu
ngật hoặc nói dối đã làm xong bài thầy ra ; cậu
Vinh ham học, chăm chú nghe thầy giảng, về
nhà soạn bài đầu vào đấy rồi mới chơi. Hôm
sau, cậu chỉ mong được thầy hỏi bài. Cậu nghĩ :
thầy hỏi, hiểu bài càng sâu hơn. Thấy một số
bạn thầy gọi đến tên đã tái mặt, Vinh thường
nói với bạn : "Đổ mồ hôi trước thì đỡ mắc bệnh
lo sợ". Khi học, cậu tập trung vào bài vở, khi
thơi cậu cũng chơi thoải mái, hết mình và biết
thường nhìn bạn. Cậu nói khôi hài : Học có
giờ, chơi có lúc ; chỉ học không chơi, chữ vào
trong đầu rồi nằm ở đó không ra được ! Cậu
cũng không học theo kiểu một sách, học vẹt,
lúc nào cũng không rời quyển sách khiến người
bạn đi. Giống như cha, Vinh thích khôi hài,
ham bơi lội, chơi đàn, thổi sáo, thả diều và
em hát chèo.

Tiếng lành đồn xa, Lương Thế Vinh đã
đổi tiếng là "thần đồng làng Hương" và được cả
người lớn và các bạn mến mộ.

2. Những giai thoại, những câu chuyện lý thú

Những giai thoại, những câu chuyện kể về Lương Thế Vinh đã được ghi chép trong các gia phả, tộc phả, bia thờ, bia mộ hoặc được lưu truyền từ đời này qua đời khác và không chỉ giai thoại lúc cậu còn nhỏ mà, ngay cả sau khi Lương Thế Vinh đã đỗ Trạng nguyên, trở thành một thanh niên thành đạt có quyền cao, chức trọng.

Đưa nợ cho gia đình

Khi còn niên thiếu, Lương Thế Vinh không chỉ có học và chơi, cậu biết cha mẹ còn nghèo, làm ăn vất vả để nuôi ba miệng ăn lại còn lo cho cậu đi học. Những năm mất mùa thiên tai gia đình phải vay nợ. Đến hạn phải trả, chưa có tiền, cả nhà lo lắng. Tuy còn nhỏ cậu biết nghĩ. Cậu tìm việc gì hợp với sức mình thì không đợi bố mẹ nhắc. Công việc thường ngày cậu có thể giúp là chăn trâu, cắt cỏ. Cậu không bao giờ để trâu phá hoại lúa ngô ở ngoài đồng. Cậu tranh thủ thì giờ rảnh rồi học hỏi bà con xóm giềng, các lão nông tri điền cách phân, chăm bón lúa, ngô khoai. Ai cũng khen ông bà Triệu có cậu con ngoan, có hiếu.

Một hôm cậu đang chơi với bạn trước cổng làng, có người ở xã bên đến gặp cậu.

– Bố mẹ cháu có nhà không ? Người lạ hỏi.

Cậu tỏ vẻ ngạc nhiên :

– Bố mẹ cháu đi vắng ạ.

Khi biết họ đến đòi nợ, cậu lạnh lùng trả lời :

– Bố cháu đi giết một người sống ; mẹ cháu đi cứu một người chết ! Chủ nợ tròn xoe mắt, không hiểu cậu bé nói thế là nghĩa làm sao và muốn cậu nói rõ hơn, chỉ lo có chuyện gì hẵng lành mất toi món nợ.

Vinh chưa giải nghĩa ngay, còn lưỡng lự làng làm cho khách sốt ruột.

– Nếu cậu nói rõ, ta sẽ xoá nợ cũ và sau này có cần vay, ta vẫn sẽ cho vay. Khách quả quyết như vậy.

Vinh mừng lắm, nhanh trí nghĩ cách để chủ nợ nói lời phải giữ lấy lời. Cậu từ tốn trả lời :

- Xin ông điểm chỉ vào nắm đất sét này. Rồi vừa túm túm cười vừa cắt nghĩa một cách lễ phép :

- Thưa ông, bố cháu đi nhờ mạ, mẹ cháu đi cấy lúa. Chủ nợ ngơ ngác một lúc rồi mới vỡ lẽ hẹn với cậu ngày mai sẽ đến gặp bố mẹ cháu. Quà nhiên, hôm sau, từ sáng sớm đã thấy có khách đến nhà. Vinh chào khách và mời vào nhà để gặp người lớn. Thấy chủ nợ sắp lên tiếng với bố mẹ, cậu chủ động thưa : "Cháu hôm nay ông đến nói với bố mẹ cháu về việc xoá nợ. Cháu xin cảm ơn ông". Có ngờ đâu vấp tay trên miếng đất sét lại là bằng chứng hiển nhiên. Nghĩ mình là người lớn, không nỡ đôi co với trẻ, và nếu có biện bạch thì cũng thua đàn ông vui vẻ xoá nợ, còn khen cậu bé thông minh và bất đắc dĩ phải ra về.

Voi đất kiết cử động, kiết đi

Các bạn cùng lứa tuổi thích được vui chơi với Vinh trên cánh đồng làng ; cậu hay chế động bày hết trò chơi này đến trò chơi khác khi thì cờ tướng, khi thì chân chó, lúc lại giã "đốt" pháo đùng. Cậu lấy đất sét nặn thành một cái hộp rỗng chỉ khoét một lỗ to bằng đồng xu, khi đập mạnh vào lỗ sẽ phát ra một tiếng

tiếng "nổ" to. Bạn nào "pháo" kêu to nhất là được cuộc.

Có một hôm, các bạn đang nặn một con voi bằng đất, có đôi tai to, vòi dài, bốn chân mập, trên lưng voi có hình ghế bành. Vinh nghĩ ngay đến chiến công của hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị và của bà Triệu Thị Trinh. Quân Ngô gặp quân của Bà Triệu đã phải thốt lên : "Hoành qua đương hổ dữ, đối diện Bà Vương nan" (múa giáo đánh mãnh hổ dễ, giáp mặt Bà Vương khó). Bốn câu ca dao hầu như mọi người Việt đều thuộc :

Ru con con ngủ cho lành

Để mẹ gánh nước rửa bành con voi

Muốn coi lên núi mà coi

Có Bà Triệu tướng cưỡi voi bành vàng.

"Chúng mình có theo lệnh Bà Trưng, Bà Triệu đi đánh giặc không ?" Cậu đồng dục nói với các bạn. Có tiếng đáp lại : "Có chứ ! Nhưng voi không biết đi, làm sao đánh giặc được !". Vinh suy nghĩ một lát rồi mỉm cười : "Voi sẽ biết đi nhưng phải theo sự chỉ huy của tôi". Cậu phân công người đi lấy gai bưởi, người đi bắt bướm, người lội xuống ruộng bắt một con

đĩa to, một con đĩa nhỏ và bốn con cua. Cả đám trẻ chăm chú theo dõi Thế Vinh. Vẫn còn có bạn chưa tin ! Thế Vinh ngắt vôi, hai tai và cái đuôi voi bằng đất rồi, lấy gai bưởi cắm đĩa to làm vôi, đĩa bé làm đuôi, ghim cánh bướm làm tai, gắn bốn con cua vào bốn chân voi xong lấy que dồn để cua bò cùng một chiều.

Thế là voi chuyển động, vôi cuộn lên, hai tai và đuôi ve vẩy. Bọn trẻ thích quá, reo lên :

— A voi biết đi ! Và chúng tự nhận là quân của Bà Trưng, Bà Triệu vừa đi theo voi vừa đánh trống miêng dưới bóng cây đa xung quanh đình làng.

Ô toán học

Có lần Vinh khoe với các bạn trong làng đã nghĩ ra một trò chơi mới. Chưa biết là trò chơi gì nhưng chắc chắn vui lắm vì trí thông minh, tài khéo léo của cậu đã lừng danh. Như mọi lần, Vinh phân công mỗi người một việc : người đi tìm hạt nhãn, càng nhiều càng tốt (lúc này đang là mùa nhãn), người tìm que để vạch ra 2 ô vuông và mỗi ô vuông ấy lại chia ra 9 ô vuông con bằng nhau. Lần lượt hai bạn dự mỗi đợt chơi. Vinh đó: ô nhỏ thứ nhất đặt 1 hạt nhãn thì ô thứ hai phải nhân 2 ô thứ nhất, ô

hứ ba phải nhân 2 ô thứ hai.... cho đến ô thứ chín. Người nào không nhầm lẫn và xong trước người ấy được cuộc. Trước khi chơi, hai người được nhận số hạt nhãn bằng nhau. Thật là một trò chơi khoa học.

Cũng những ô vuông ấy, cậu có sáng kiến chơi đợt thứ hai khó hơn đợt thứ nhất. Lần này ô con thứ nhất đặt 2 hạt nhãn, ô con thứ hai, nhân 2 với 2 và ô con thứ ba nhân 2 với 3, ô con thứ tư nhân 2 với 4 và cứ lần lượt đến ô thứ chín. Vinh tự xưng phong làm trọng tài. Rồi đợt thứ ba, cậu lại đổi cách chơi : ô nhỏ đặt 1 hạt nhãn, ô hai sẽ nhân 2 với 2, ô ba sẽ nhân 3 với 3, ô bốn sẽ nhân 4 với 4.... đến ô 9 sẽ nhân lần 9. Rất có thể do những trò chơi tương tự tương Thế Vinh đã là một nhà toán học nghĩ ra bản cửu chương như tú tài Phạm Hữu Trung, người làng Lai Hạ (nay thuộc huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương) sống dưới thời Lê Cảnh Hưng soạn sách toán bằng chữ Nôm, văn vần đã hằng định cửu chương là của Trạng nguyên tương Thế Vinh.

Một bài toán đố các quan đại thần

Sau khi đỗ Trạng nguyên và được vua Lê Thánh Tông vời vào Kinh làm quan trong

Triều, Lương Thế Vinh vẫn ham đọc sách nghiên cứu toán học. Trong cuốn "Lịch triều hiến chương loại chí" nhà bác học Phan Huy Chú (thế kỷ thứ XVIII) đã viết "Nước Việt Nam ta từ đời Đinh, Lê, Lý, Trần, phong hội đã mấy đời nào cũng có chế độ của đời ấy. Đến nhà Lê (triều Lê do Lê Lợi khai sáng) xây dựng càng càng, phép tắc đầy đủ, thanh danh của nước văn hóa, nhân tài đều thịnh, không kém Trung Hoa..." Về Lương Thế Vinh, Phan Huy Chú nhận định : "Sách nào ông cũng đọc, học hỏi rất rộng. Ông làm ra quyển Đại thành toán pháp".

Chuyện kể rằng : năm Ất Dậu (1465), đất nước đang vào xuân. Kinh thành còn được không khí vui vẻ những ngày Tết. Các quan trong triều rủ nhau đến tư dinh quan Trạng nguyên Lương Thế Vinh mừng xuân và cùng nhà xướng họa chúc tụng. Vị cao niên nhất trong xướng : Xin mời quan Hàn Lâm trẻ nhất trong chúng ta xướng đề thơ để mọi người họa lại. Khác với ý nghĩ của nhiều người chỉ chú ý đến văn chương, thơ phú; Lương Thế Vinh muốn lưu ý họ quan tâm đến khoa học tự nhiên, đến toán học, bèn khiêm tốn cảm ơn, và đáp lại :

- Thưa các vị, năm nay là năm Ất Dậu
c năm con gà, tôi năm nay 24 tuổi vừa tròn
ai giáp, xin các quan cùng tôi giải một bài
án về những con gà bằng thơ, âu cũng là để
ỷ niệm ngày đầu xuân ấm áp, thanh bình này.
oạn Lương Thế Vinh đọc sáu câu thơ :

*Kim hữu gia kê nhất đại quân
Đình tiền tụ thực tẩu phân phân
Nhất hùng tam phụ, phụ ngũ tử
Nhất bách thất thập nhất đầu thân
Số nội ký đa hùng, phụ, tử
Vấn quân bố toán đắc tường vân ?*

(nghĩa là : có đàn gà tụ tập ăn thóc trên
n ; chúng tung tăng chạy nháy, biết rằng cứ
ột con gà trống thì có 3 con gà mái, cứ một
n gà mái có 5 con gà con. Tất cả đếm được
71 đầu gà. Hỏi có bao nhiêu gà trống, gà mái,
con ?).

Các quan toát mồ hôi trán, vì xưa nay
ưa bao giờ xướng họa theo kiểu này ; tính
án mãi không ra, chưa biết họa làm sao !
ước khi họa, phải có đáp số. Loay hoay mãi
n chưa có vị nào lên tiếng. Để gỡ thế bí cho
ách và xua đi không khí căng thẳng như

trong một lớp học, Lương Thế Vinh cho biết có 9 gà trống, 27 gà mái và 135 gà con.

Ngày nay với các bài toán tương tự, các em học sinh tiểu học và trung học cơ sở có thể giải đáp dễ dàng nhưng trong thời kỳ ấy nhà vua là đối với các quan đại thần quen thơ phú, văn chương, ngắm hoa, thưởng nguyệt thì khó quá. Lương Thế Vinh phải bày cách giải và tự học. Không chỉ dân gian suy tôn ông là Trạng Lường mà các quan trong triều cũng tôn vinh ông : Trạng toán !

Trạng toán cân voi

Vua Lê Thánh Tông trọng đức, trọng tài, trọng quan Trạng Lương Thế Vinh. Vua thường giao cho quan Trạng soạn thảo các văn bản ngoại giao và tiếp sứ thần các nước.

Có một lần, sứ nhà Minh là Chu Hy sang quan hệ với triều đình ta. Chu Hy đỗ tiến sĩ đại khoa, hiểu rộng, biết nhiều. Vua lệnh cho quan Hàn Lâm Lương Thế Vinh đón tiếp. Chu Hy hỏi nhiều điều về sử sách, về đạo giáo, về chữ của Thánh hiền. Lương Thế Vinh đối đáp rành mạch, tường tận Tứ thư, Ngũ kinh, trả lời rất sâu sắc. Sau buổi cùng nhau làm việc, Lương Thế Vinh mời Chu Hy đi dạo chơi. Bả

ột gặp một toán lính đang cho voi ăn mía, sứ
Minh nghĩ rằng lần này phải làm cho
Trạng Đại Việt bí mới được !

– Xin ngài cho biết có cách nào cân được
voi khổng lồ này ?

Lương Thế Vinh bình tĩnh đáp :

– Ngày mai, xin mời ngài đến xem người
Đại Việt cân voi !

Sứ thần cho rằng đây chỉ là kế hoãn binh
rồi đánh trống lảng, lơ đi. Có cân nào chịu
được sức nặng của voi !

Sứ thần không ngờ Trạng Lương có cách
cân voi thật. Quan Trạng sai quân lính làm
một bè nửa lớn, thả bè xuống ao sâu rồi đánh
dấu mực nước. Sau đó ông cho dắt voi xuống bè
lại sai lính đánh dấu mực nước. Khi dắt voi
lên bờ, bè lại nổi lên ở mực nước trước. Quan
Trạng sai lính khuân các hòn đá hộc xuống bè
cho đến khi ngập đúng mực nước lúc voi xuống
. Cuối cùng ông cho lần lượt cân từng hòn đá
cộng lại đáp số cho biết ngay con voi cân
ng bao nhiêu. Thật là khôn ngoan và khoa
c. Sau khi xem Trạng Lương cân voi, Chu Hy
m tắc khen ; Trạng Lương khiêm tốn nói đã

học cách cân của Tào Thực đời Tam quốc là cho sứ thần "mắc cỡ" vì đường đường là đại phu của triều Minh lại không rõ lịch sử nước mình.

Ông Trọng mê nghệ thuật dân tộc

Từ khi còn nhỏ, Lương Thế Vinh đã thích ngồi nghe bố thổi sáo, kéo nhị (đàn cò) và đi bộ dạy nhạc. Chỉ một thời gian ngắn, cậu bé tài hoa đã thông thạo kéo nhị, thổi sáo. Cứ những buổi tối, cả nhà quây quần, bố con hòa nhạc dưới ánh trăng vàng. Bà con xóm giềng tập hợp đông vui làm cho tình làng, nghĩa xóm thêm thiết, vui buồn có nhau. Khi đi chăn trâu, cậu không bao giờ quên dắt sáo theo. Ai bảo chăn trâu là khổ ! Vất vẻo ngồi trên lưng trâu thổi sáo, cánh đồng lộng gió, tiếng sáo lơ lửng trên trời, lúc bổng, khi êm ái như tiếng người kể chuyện, khi trong suốt, cao vút như chim hót làm cho cậu quên hết nhọc mệt.

Cậu còn say mê xem hát chèo. Quan vùng có tiếng trống chèo nổi lên là y như cậu Vinh có mặt, song không bao giờ vì xem chèo cậu bê trễ học hành, bài vở phải làm xong, cậu mới đi ngủ.

Dân làng kể rằng : Có một đêm, đoàn chèo diễn ở làng Si (nay thuộc xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản). Tiếng trống chèo nổi lên như giã mọi người đến xem. Chẳng may người chèo nhị bị đau bụng đột ngột ; không có tiếng trống thì làm sao diễn chèo được ! Người xem kéo nhau càng đông. Cậu Vinh đã tình nguyện thay trống công kéo nhị. Mọi người không ngờ, tất cả đều khen ngợi cậu. Cô đào trong vở chèo đêm ấy bị kích động lòng yêu thầm cậu, song không dám tỏ tình vì biết cậu sắp đi thi e trở ngại công danh của cậu ; hơn nữa trong triều đình, ảnh hưởng của học thuyết Tống Nho vẫn coi giá thấp những người hát chèo coi là "đồng ca vô loài" nên cô tự an ủi phận mình kém sao có thể sánh vai được với người anh niên tài đức ấy.

Tương truyền khi Lương Thế Vinh đỗ trạng nguyên làm lễ vinh quy (đón rước người đỗ về làng), làng mở hội ăn mừng đón phường chèo đến giúp vui. Cô đào năm xưa được biết trạng nguyên Lương Thế Vinh đã lấy vợ, con một ông thầy dạy học, cô tủi phận tự tử để làm một bài thơ tuyệt mệnh. Ông Trạng thương xót cho lập miếu thờ. Các cụ cao tuổi kể lại ở ấp Nhất làng Cao Hương xưa kia có một

miếu gọi là Miếu Ả đào, xóm có miếu đó gọi thôn Đào hoặc xóm Đào.

Thú chơi điều

Sau giờ học căng thẳng, Lương Thế Vinh thường rủ bạn bè ra cánh đồng thả điều. Những cánh điều to có mắc hai, ba sáo kích có khác nhau bằng đồng và bằng trúc. Khi cầm điều đã bay cao, tiếng sáo ngân nga xen tiếng bỗng, tiếng trầm là lúc điều không chao đảo, có thể cột dây điều vào cây to và nằm ngửa nhìn lên bầu trời ; bao nhiêu mệt nhọc của một ngày trường chừng tiêu tan hết.

Sắp đến kỳ thi Hội, Lương Thế Vinh tạm thêm thì giờ học nhưng không vì thế bỏ thả điều ; một trong những thú giải trí của cậu vẫn là thả điều và càng gần đến ngày thi cậu lại giảm thì giờ học dần dần rồi trở lại mức học như bình thường. Cách học của cậu như vậy cảm thấy ung dung, không vội vàng nhồi nhét hiệu quả học tốt hơn cách học liên miên, không còn giờ nghỉ, giờ chơi. Cậu còn dành thì giờ có thăm bạn và trao đổi với bạn về việc chuẩn bị cho kỳ thi.

Một hôm, cậu Vinh tìm đường đến nhà bạn học giỏi Quách Đình Bảo ở làng Phúc Khê, huyện Thanh Lan, phủ Tân Hưng (nay thuộc huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình). Đến làng cậu vào quán nước :

— Thưa bà, đường đến nhà anh Bảo cháu xa bao xa, cậu lễ phép hỏi bà chủ quán, xin bà chỉ dùm cho cháu.

— Hỏi ai chứ hỏi cậu Bảo thì không người nào lại không biết, bà chủ đáp lại, nhưng cậu hỏi để làm gì ? Đã mấy tháng nay, cậu Bảo không ra khỏi nhà, mãi mê học, quên cả ăn, quên cả ngủ. Thế cậu không biết sắp đến kỳ thi sao ?

Lương Thế Vinh nghĩ : mỗi người có cách học của mình. Học là phải học cả đời nhưng kiểu này dễ rối trí. Tuy vậy Vinh vẫn coi giờ học của bạn và cảm ơn bà chủ quán đã trở về, trong bụng hơi tiếc vì mất công đi mà không gặp bạn.

Bà chủ quán gặp cậu Bảo báo cho biết có bạn ở mãi tận làng Hương; lộ Sơn Nam hạ học chơi, nhưng không hiểu sao lại về luôn. Quách Đình Bảo giật mình : "Không ai khác,

chính là Lương Thế Vinh rồi ! Người bạn họ
giỏi rất đáng khâm phục ! Ta phải sang đáp
mới được". Nghĩ vậy, cậu Bảo lên đường ngay
và đi thẳng đến nhà Lương Thế Vinh. Chẳng
thấy Vinh ở nhà. Hỏi xóm giềng, Bảo mới
Vinh đang cùng các bạn trong làng ra cày
đồng thả diều. Nghĩ đi nghĩ lại, Quách Đình
Bảo sợ ảnh hưởng đến giờ giải trí của bạn
cũng muốn tranh thủ về học, rắp tâm cố gắng
không thua bạn. Kỳ thi Hội, Quách Đình Bảo
đậu thứ nhất (Hội nguyên), Lương Thế Vinh
đậu thứ nhì. Nhưng đến kỳ thi Đình ngày
tháng 2 năm Quý mùi (1463) Lương Thế Vinh
đỗ đầu (Trạng nguyên), Quách Đình Bảo đứng
thứ ba (Thám hoa).

Tôn sư trọng đạo, thầy nào trò ấy

Do nhiều nguyên nhân, vì nghèo đói pha
thả phương, vì loạn lạc, họ Lương có mặt
nhiều địa phương trong cả nước. Đến nay tính
chưa đầy đủ đã có 16 chi dòng họ Lương
Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Thái Bình, H
Tây, Ninh Bình, Nam Định, Lạng Sơn, H
Nội....

Họ Lương ở làng Hội Triều (nay thuộc x
Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh

óa) cũng từ họ Lương làng Cao Hương dời cư cuối đời Trần. Đầu đời Lê, họ Lương ở làng Hội Triều có ông Lương Hay đỗ Giải nguyên không ra làm quan ở nhà dạy học. Bố Lương Thế Vinh, ông Lương Thế Triệu được biết ông Lương Hay dạy tốt, nhiều học trò thành đạt, nên Lương Thế Vinh theo học. Đúng về thứ bậc trong họ, Vinh ở hàng trên ông Lương Hay, ông không vì thế Vinh xử sự với thầy theo họ hàng thân tộc, lúc nào cũng đúng mực tình nghĩa thầy trò, nghiêm túc nghe lời thầy chỉ bảo, chăm học. Sắp đến kỳ thi Hương, Vinh muốn bị từ biệt thầy để đi thi. Bỗng một cơn bão kéo tới, mưa to gió lớn làm cho nhà thầy bị đổ mái, mấy giá sách quý của thầy bị ướt cả. Con bão tan, Vinh nán lại phơi sách và sắp xếp lại theo từng loại để thầy dễ tra cứu. Nhân dịp này cậu tranh thủ đọc và tóm tắt nội dung từng cuốn. Đối với nhà giáo thì sách là của quý, ông Lương Hay cảm kích nghĩa thầy trò của Vinh và tình thân tộc, tặng cậu một số quyển bàn về kinh Dịch và động viên cậu tiếp tục nấu sủ sôi nh, mong cậu thành đạt giúp ích cho đời. Ông Lương Hay còn tâm sự với cậu : Ta muốn trông con cái , sau này nếu ta có con, anh sẽ giúp ta chăm sóc nó nên người.

Lương Thế Vinh tỏ lòng biết ơn thầy và xin nhận nghĩa vụ thầy giao phó.

Hơn mười năm sau, ông Lương Hay mới có con trai đặt tên là Lương Ngạn Ích (sau đổi tên là Lương Đắc Bằng). Đúng như lời hứa với thầy, Lương Thế Vinh đã để tâm dạy Lương Đắc Bằng, nhờ đó, Lương Đắc Bằng đã đỗ Barm nhân năm 1499. Thầy nào, trò ấy. Có thầy Lương Hay, có trò Lương Thế Vinh thành đạt, có thầy Lương Thế Vinh, có trò Lương Đắc Bằng thành đạt. Thật không uổng công thầy! Theo "Lịch triều hiến chương loại chí", nổi công thầy Lương Thế Vinh, Lương Đắc Bằng cử trình lên vua (năm 1510) bài hịch gồm 14 điều can gián vì nghĩ rằng "không vì vua đã thánh mà quên lòng can gián" và coi đây là "nghĩa vụ" :

1. Hết sức cảnh giới để dẹp diễm tai dị.
2. Hết lòng hiếu thảo để tỏ lòng trung.
3. Xa thanh sắc để làm gốc cho sự chín tâm.
4. Bỏ kẻ tà nịnh để trọng nguồn phồn hóa.

5. Dè dặt việc cho quan tước để cẩn thận trong việc khuyến, trừng.

6. Tuyển bổ công bằng để đường làm quan tước trong sạch.

7. Tiêu dùng phải dè dặt để giữ thói kiệm ước.

8. Khen thưởng những người có tiết nghĩa để trọng đạo cương thường.

9. Cấm hối lộ để bỏ thói gian tham.

10. Sửa sang vũ bị để thế nước được vững.

11. Kén chọn gián quan để cho người dám nói phần khởi.

12. Bớt việc phục dịch để thỏa tình dân công nông.

13. Hiệu lệnh phải khẳng định để thống nhất lòng bốn phương.

14. Cẩn thận pháp độ để mở đường thịnh trị.

Để kết thúc, Lương Đắc Bằng kể lại câu nói của người xưa: Thần nghe cổ ngữ có câu : Lời nói của người cất cỏ, kiếm củi, thánh nhân cũng có thể chọn lấy", "Kinh thư" có câu : "Biết

không khó, làm mới khó". Vậy xin bệ hạ cho lời thần là viễn vông, nên lựa chọn mới làm, răn điều nên răn, lo điều nên lo thì đạo trời được thuận, đạo đất được yên, đạo người được hòa, mới đến thái bình được.

Quan Trạng và vua xướng, họa

Có một lần vua Lê Thánh Tông cùng quan Trạng Lương Thế Vinh và tùy tùng đi kinh vùng Sơn Nam hạ. Vua cho ghé làng của Trạng và đến thăm chùa làng. Sư cụ đang tụng kinh, chiếc quạt giấy của sư cụ chẳng may rơi xuống đất. Sư cụ đưa mắt cho chú tiểu nhặt lên như một vị tùy tùng đã nhanh tay nhặt hộ cho sư cụ. Trong bữa tiệc dân làng mời vua dự tại đình làng, vua vui vẻ đề ra câu đối và mời mọi người đối lại :

– Đường thượng tụng kinh, sư sử sử

(Trên bục đọc kinh, nhà sư sai khiếm được quan)

Dân làng khó đối đã đành, ngay các quan cũng còn bí chưa tìm được câu đối nào chỉnh. Vua cho rằng chắc chỉ có quan Trạng đối được mà thôi. Lương Thế Vinh vẫn ung dung ngồi và một lúc sau, sai lính về ngay nhà họ

Trạng đến dìu chồng về vì quan Trạng "say rượu". Bà Trạng xin phép vua cho dìu chồng về. Vua ngạc nhiên quá vì xưa nay có bao giờ Lương Thế Vinh say rượu ! Cho rằng Trạng giếm cố tránh, vua buộc Trạng phải đối mới cho về. Lương Thế Vinh liền bẩm :

- Muôn tâu bệ hạ, thần đã đối rồi ạ !

Các quan tùy tùng và nhà vua chưa hiểu quan Trạng đối ra sao, Trạng mới thông thả cất tiếng : "Đình tiền túy tửu, phụ phù phu" (trước sân, say rượu vợ dìu chồng). Vế đối cả câu và vần chữ rất hay, được vua khen ngợi.

Ông vua bẽ đùa với quan Trạng

Vua Lê Thánh Tông biết Lương Thế Vinh giỏi lời muốn thử tài Vinh. Giữa vua và quan Trạng ngoài quan hệ vua - tôi còn có tình bạn đặc biệt vì vua chịu lắng nghe ý kiến của quần thần, Thế Vinh lại nói thẳng, nói thật, vua rất tin. Tính tình của Thế Vinh phóng khoáng, hay khôi hài làm cho bạn bè dễ gần, vua Thánh Tông trong lúc rảnh rỗi đối xử với Vinh như bạn bè không phân biệt vua, quan.

Có một lần vua cùng với Lương Thế Vinh và một số quân cảnh vệ trong triều đi thuyền

du ngoạn trên hồ Tây. Vua và Thế Vinh đang đứng ở mạn thuyền ngắm cảnh. Bất chợt, vua lấy tay chỉ vào một chùm cây có hoa đỏ ven hồ. Tay vua vướng vào người Vinh làm Vinh rơi xuống nước. Thực ra vua cố ý làm thế vì muốn xem tài bơi lội của Vinh. Vinh cũng hiểu như vậy nên khi vua vừa chạm vào người, đã cố gắng động ngã xuống nước. Tính hay bông đùa, lại giỏi ngụp lặn, Vinh lặn khá lâu rồi ngoi lên bị nấp vào một bụi cây rậm rạp, vua ở trên thuyền không nhìn thấy. Vua có ngờ đâu thuyền đi đến một quãng xa nơi Thế Vinh ngã vẫn không thấy Vinh đâu. Lúc này vua mới ân hận. Nếu chẳng may Thế Vinh không biết bơi mà chết đuối thì lấy ai là người giúp vua thảo các văn bản bang giao với nước ngoài. Vì vậy, Vua vội ra lệnh cho lính hầu nhảy xuống nước mò tìm. Hồi lâu vẫn không thấy. Trong lúc vua đang bực rồi thì từ trong bụi rậm, Thế Vinh nhanh nhẹn như con sóc, nhẹ nhàng xuống nước và lặn đến sát thuyền mới nhô lên khỏi mặt nước. Vua định quở trách Thế Vinh làm vua hết hồn nhưng đã tự kiểm chế được. Vua nghĩ bụng : chính tại mình gây nên chuyện ! Thấy nét mặt vua thoáng vẻ hối hận, Vinh nhanh trí tâu với vua

- Thần rơi xuống nước gặp cụ Khuất
nguyên. Cụ chất vấn thần vì sao đến nông nỗi
ày!

Thần thưa : Vì thần chán đời muốn tự tử.

Cụ mắng thần như tát nước vào mặt : tên
ày điên à ! Tại sao lại bắt chước ta. Ta làm
quan nước Sở, khuyên điều phải vua không
nghe, ngăn điều trái vua cũng không nghe, ta
đi trầm mình ở sông Mịch La. Còn nhà người
có một thánh quân minh đế, sao đại đột vậy ?

Vua Lê Thánh Tông biết Trạng bịa
vụ để làm nguôi sự lo lắng và tức giận vô
của mình, cười xòa và chuyển sang chuyện
khác, không quên sai lính lấy quần áo để
quan Trạng thay.

Quan Trạng nói thẳng, nói thật

Không như một số quan lại, lựa theo ý
người trên để biểu thị thái độ của mình "lưỡi
không xương, nhiều đường lắt léo", "gió chiều
che chiều ấy" cốt để vui lòng người trên,
không thực lòng, chỉ mong được vinh thân, phì
a, được thăng quan, tiến chức, còn dân sống
sao không cần biết; Trạng nguyên Lương
thế Vinh có phẩm chất rất trong sáng, dám

nói thẳng, nói thật ý nghĩ của mình với vua. Ông không sợ vua quở trách, chỉ cốt sao những điều mình nói có lợi cho dân, cho nước.

Văn sách thi Đình của ông đã thể hiện quan điểm ấy. Trước khi nói thẳng, nói thật nhận xét của mình về bộ máy quan lại của triều đình, ông đã mở đầu : "Như người xưa có nói : phải lắng nghe lời người cắt cỏ, kiểm củi. Huống hồ thần là chân khoa mục, lại làm thính không nói một lời sao được..."

Theo lẽ thường, ai cũng muốn việc làm của mình được tốt đẹp và được mọi người khen ngợi, song vấn đề cần quan tâm là thực chất việc ấy có tốt đẹp hay chỉ là hình thức, phẩm diện.

Vua Lê Thánh Tông, một ông vua trẻ, chú ý lắng nghe ý kiến của quần thần dù ý kiến ấy trái với ý nghĩ của vua, vì vậy càng cổ vũ Lương Thế Vinh nói đúng sự việc, không thêm không bớt, không sợ mất lòng bề trên.

Có câu chuyện kể rằng : một hôm, quan Trạng vào chầu vua. Vua phấn khởi khoe với Trạng :

- Khanh xem, Trẫm có nhiều người nối dõi tông đường, được học hành đến nơi, đến chốn lại được phong tước vương, lo gì đến việc nối nghiệp hoàng gia, trị quốc sau này (nghe nói vua có 14 hoàng tử và 20 công chúa). Trạng nguyên chậm rãi tâu :

- Thưa bệ hạ, theo thần trộm nghĩ, chính đó lại là điều đáng lo ngại.

Vua chưa hiểu hết ý của quan Trạng, hỏi :

- Khanh nói vậy là có làm sao ?

- Tâu bệ hạ, ngôi báu chỉ có một, Lương Thế Vinh đáp, lắm hoàng tử, nhiều công chúa, học văn chương chữ nghĩa mà không trau dồi đạo đức ắt sẽ tranh giành ngôi báu, của cải của vua cha, dễ ăn chơi vô độ thậm chí còn ám hại nhau. Triều đình sẽ đổ nát, trăm họ điêu đứng, đất nước suy yếu thì giặc ngoài dễ bề xâm lấn.

Vua ngẫm nghĩ thấy Lương Thế Vinh nói chí lý, sâu sắc. Lược lại lịch sử đất nước ta, đời Trần, anh hùng là thế, huy hoàng là thế, ba lần chống quân xâm lược Nguyên - Mông đều đại thắng, nhưng từ đầu thế kỷ XIV, triều Trần đã suy đồi, mục nát và đến giữa thế kỷ XIV, đã mất lòng dân đến cao độ và sụp đổ không thể tránh khỏi. Chính sách "khoan thứ sức dân để

làm kế sâu rẫy, bền gốc" Trần Hưng Đạo đã cảnh
dăn lại trước khi từ trần không còn được thực
hiện. Trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm
thế kỷ thứ XIII tổ tiên, ông cha của những nòi
tỳ đã chiến đấu dũng cảm nhưng con cháu của
họ sau này không được quan tâm giúp đỡ, cải
thiện đời sống. Trong khi đó, vua và các hoàng
tử, công chúa, các quan trong triều lo sống xa
hoa, chơi bời vô độ để bọn gian thần hoành
hành. Năm 1400, nhà Trần sụp đổ.

Quả nhiên lời tiên đoán của Lương Thế
Vinh đã được chứng minh : Các vua Lê và triều
thần cuối đời Lê ngày đêm miệt mài trong
những cuộc truy hoan, ăn chơi xa xỉ. Nhân dân
đã mỉa mai gọi Uy Mục (1505-1509) là "vua
quỷ" và Tương Dực (1510-1516) là "vua lợn" về
bài hịch tố cáo vua Uy Mục chính là của Bàng
nhân Lương Đắc Bằng (khi 12 tuổi Bằng là học
trò của Lương Thế Vinh). Lương Đắc Bằng đã
lên án "vua quỷ": "Tước đã hết mà lạm thưởng
không biết, dân đã cùng mà lạm thu không
cùng. Phú thuế thu đến tơ tóc mà dùng như của
bùn đất, bạo ngược như Tần Chính, đãi công
thần như chó ngựa, coi dân chúng như cỏ rác".

Trạng Lường với nghề thương mại

Lương Thế Vinh rất quan tâm đến đời sống của dân và luôn nghĩ rằng: dân giàu nước mới mạnh. Nếu chỉ thuần túy làm nông nghiệp thì không thể giàu được nhất là ở những vùng đồng chiêm trũng như làng Cao Hương của Trạng. Trong bài văn sách thi Đình của Lương Thế Vinh, ông cũng nhận định : của cải nước ta chưa nhiều, hàng hóa chưa lưu thông. Vua quan phải vì cuộc sống ấm no của dân mà trị nước.

Mỗi khi về thăm làng, quan Trạng lại bận khoản day dứt. Ông bàn với dân làng có một nghề buôn bán nhân đạo, giúp ích cho xã hội là nghề dược. Trồng và mua các cây dược liệu, nhập những cây thuốc của nước ngoài, cử người đi các nơi bán ; trị bệnh cứu người, há chẳng phải là một việc cao quý nên làm ? Từ đó, làng Cao Hương có một nghề mới. Để nhớ ơn người đã có công và theo như câu tục ngữ "buôn có bạn, bán có phường" những người cùng nghề họp lại thành phường gọi là phường Lường (Trạng Lường) và tương truyền khi sinh thời Lương Thế Vinh đã cho lập nhiều chợ ; để nhớ ơn ông có chợ lấy tên chợ Lường (ở Đô

Lương). Từ khi làng Hương có thêm nghề buôn bán được liệu đời sống dân làng được cải thiện.

Lương Thế Vinh với cô gái Hàng Đào

Khi đi kinh thành để ôn tập chờ ngày thi hội, Lương Thế Vinh được bạn bè mến phục không những vì tài học còn vì tính tình rất dễ thương. Không bao giờ cậu tỏ ra hiếu thắng khi cần tranh luận một vấn đề gì, dù có biết hơn anh em cũng ôn tồn hướng dẫn, thuyết phục. Một anh bạn mới quen ở phố Hàng Đào có người em gái tên là Thị Liệu có học, biết làm thơ lại có nhan sắc. Thị Liệu tỏ ý yêu thương Lương Thế Vinh và Vinh cũng có cảm tình nhưng còn tìm hiểu xem có thật tình yêu của nàng trong sáng hay còn vì động cơ gì khác.

Trước khi đi thi Hội, Thế Vinh sắp lên đường về quê để chuẩn bị xin bố mẹ thêm tiền ăn và trọ mấy ngày đi thi, chàng nhận được một bài thơ của nàng bằng chữ Hán :

Thủ huê lợi phủ thương sơn lâm

Nhất thất tiểu phu nhật nhập thâm

Yên hạ hoành đao từ bộ chí

Phương môn môn nội hữu tình nhân

Trên tạp chí Văn nghệ của tỉnh Hà Nam
sinh số xuân 1989 cụ Trương Tân đã dịch bài
trên :

Tay cầm búa sắc vượt rừng sâu

Một gã tiêu phu chẳng đợi lâu

Lưng giắt ngang đao thông thả bước

Cửa vuông^(), trong cửa đón yêu nhau*

Xem bài thơ trên, Thế Vinh hiểu ngay
đang tỏ vẻ kiêu kỳ, chỉ say mê chàng vì danh
vàng, vì tấm bằng, tình yêu như vậy khó bền
vụ. Thế Vinh bèn họa lại gửi nàng :

Hà lao tâm lực nhập sơn lâm

Thế vấn xuân quang sắc thiếu thâm

Bất dụng yên đao nguyên nhật chí

Kinh sư bất thiếu hữu tình nhân

Nghĩa là :

Cần gì vất vả tới rừng sâu

Thử hỏi ngày xuân được bấy lâu

Giữa hội chẳng cần đao dẫu quý

Kinh kỳ đâu thiết kẻ yêu nhau

Chàng thanh niên Thế Vinh đã có một quan niệm đúng đắn về hôn nhân, về tình yêu. Yêu vì danh, vì lợi không thể có hạnh phúc.

3. Bốn lần thoát mưu sâu của kẻ thù

Nước Đại Việt dưới thời

vua Lê Thánh Tông

Sau khi Lê Lợi đánh thắng quân Minh sáng lập ra triều Lê, nước Đại Việt được độc lập, tự chủ. Từ đấy về sau, phong kiến phương Bắc tuy vẫn còn nhòm ngó và có nhiều âm mưu thôn tính nhưng không dám gây hấn. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, nước Đại Việt được củng cố và phát triển mọi mặt (1460 – 1497).

Nông nghiệp được phục hồi, công cuộc khẩn hoang được mở rộng nhất là ở vùng ven biển và trung du. Nhiều trung tâm thương nghiệp được hình thành ; có những phường thủ công tập trung nhiều thợ cùng nghề ; có nhiều xưởng thủ công để đúc tiền, đóng chiến thuyền, sản xuất vũ khí... Triều đình ban hành mẫu thống nhất các đơn vị đo diện tích ruộng đất và đo lường.

Các mặt văn hóa, giáo dục đều có hướng phát triển mới. Chế độ giáo dục, thi cử có phần lỏng lẻo hơn trước. Thể chế của bộ máy nhà nước được quy định thành luật lệ hoàn chỉnh. Năm 1483 Lê Thánh Tông cho sưu tập tất cả các điều luật đã ban hành, có bổ sung và hệ thống hóa, xây dựng thành bộ Luật Hồng Đức gồm 721 điều, 16 chương gồm cả luật hình, luật hôn nhân và gia đình, luật dân sự và luật tố tụng (thường gọi là Lê triều hình luật).

Năm 1467, nhà vua có lệnh tiến hành điều tra địa hình xây dựng bản đồ cả nước, xác định rõ lãnh thổ và cương giới (gọi là bản đồ Hồng Đức). Quốc phòng được củng cố, quân thường trực có tới 16 vạn người (so với thời vua Lê Thái Tổ chỉ có 8 vạn). Song để không ảnh hưởng đến sản xuất, chính sách "ngụ binh ư nông" từ đời vua Lê Thái Tổ vẫn được thực hiện. Người lính vừa làm nghĩa vụ quân sự vừa sản xuất để tự túc, cho nên thực chất chỉ có 8 vạn quân tại ngũ, còn 8 vạn quân sau khi được tập luyện cho về sản xuất rồi lại lấy số khác ra tập luyện và cứ luân phiên nhau như vậy.

Nhân dân miền xuôi, miền núi sống yên ổn, thanh bình. Tuy vậy, kẻ thù bị đánh bại

vẫn chưa từ bỏ dã tâm làm suy yếu nước ta cả khi ta gặp khó khăn, chúng sẽ thực hiện ý đồ xâm lược. Vua Lê Thánh Tông đã thường nhắc nhở quân dân ta phải đề cao cảnh giác và rằng: "Một thước núi, một tấc sông của ta lẽ nào tiện vứt bỏ đi được... kẻ nào dám đem một thước núi, một tấc đất của vua Thái Tổ để làm mồi cho giặc thì kẻ đó phải bị trừng trị nặng".

Thách đố để phát hiện trẻ thông minh

Một trong những thủ đoạn thâm độc của kẻ thù là phát hiện người tài từ khi còn nhỏ tuổi mang về nước cho ăn học để khi trưởng thành bổ sung cho lực lượng phục vụ mưu đồ của chúng.

Truyền thuyết kể rằng : có người lạ phương xa đi các hang cùng, ngõ hẻm, xóm làng để tìm kiếm thần đồng đất Việt. Một hôm, hắn đến làng Cao Hương, gặp đám trẻ đang nô đùa trước cổng làng, hắn dừng lại xem và tỏ vẻ thích thú cười góp. Hắn cũng hoà và niềm vui chung bằng tiếng Việt khá thông thạo. Sau đó hắn đào một hố nhỏ sâu, rồi san

án hàng nước mua một quả bưởi và ném
ống hồ, "đứa nào lấy được quả bưởi lên – hẳn
-i – cấm được dùng tay hoặc que, sẽ cho quả
bưởi và còn thưởng tiền". Đám trẻ hào hứng
anh nhau bày kế, cậu nào cũng muốn nói
ước, rốt cuộc đã qua nửa tiếng đồng hồ rồi
n chưa có cách lấy quả bưởi lên. Nghe có
m đồng ở đầu làng ồn ào, Lương Thế Vinh
vay ra và hỏi nhỏ bạn, suy nghĩ một lát, cậu
lách bạn : "Có khó gì đâu ! mức nước dưới ao
ta rồi đổ liên tiếp vào hồ". Nói xong, cậu về
nhà vì đang học bài. Quả nhiên nước đổ xuống
đến đâu, quả bưởi nổi lên đến đó.

– Đứa nào có sáng kiến này, khách mừng
á la to, giỏi, giỏi lắm ! Nói đi ta sẽ thưởng
nhiều tiền.

Hắn đã tưởng bắt được của quý rồi. Vì
ước khi đến làng Cao Hương, hắn đã được
tết ở làng Hương có "thần đồng".

Nhưng theo lời dặn của Vinh, đám trẻ
không chịu nói, chỉ nằng nặc đòi hắn giữ lời
ứa. Hắn tung hứng ; bất đắc dĩ rút tiền ra
ưởng cả đám trẻ và bỏ đi.

Thách đố lần thứ hai,

khách vẫn thua cuộc

Sau đó ít lâu có một lão bán thuốc dừ chân ở làng Cao Hương. Do khéo quảng cáo dân làng kháo nhau ra xem đông lắm.

— Tôi vừa bán, vừa biếu, thuốc quý lắm. Lão bán thuốc lên tiếng, bách bệnh tiêu tan trong uống ngoài xoa, mua mau kéo hết.

Lác đác có một vài bà con mua, còn s đông đứng nghe và đợi xem ông ta còn có biể diễn trò gì mua vui không.

Một lát sau, ông ta nói : "Cảm ơn các ông, các bà đã mua thuốc, xin các ông, các bà nă lại đôi chút thì giờ, chúng ta cùng vui để khác nhớ nhà hàng, nhà hàng nhớ khách". Ông t lấy một cây bương dài tới 5 sải tay dựng đứng trên đầu cây bương, ông ta để một nén bạc thách đố mọi người lấy được nén bạc, nhưn không được đụng tay đụng chân vào cây bương. Ai làm được sẽ tặng luôn nén bạc.

Mỗi người một ý, tranh nhau hiến kế. Hắ cả buổi rồi, nén bạc vẫn không suy xuyển. Lú đó Vinh đang đứng lẫn trong đám đông, chắ

chèo, có được nén bạc cũng đỡ cho gia đình.
Tôi khoan thai hỏi ông bán thuốc :

– Nếu tôi làm rơi nén bạc, tôi không đụng
chân vào cây bương, ông có cho tôi nén bạc
không ?

– Tôi nói có là có, người lớn với nhau mà !
Tôi bán thuốc nói như phân bua với tất cả mọi
người.

Vinh đề nghị bà con nán lại và vừa cười
vừa nói "để xem tôi có phép tiên !".

Cậu bàn với ông Triệu mua chịu của ông
xóm một con chó, làm thịt và đưa cho cậu
lòng. Bố cậu chưa hiểu ra sao? Cậu khẩn
thoán : bố cứ nói với xóm giềng làm sẵn các
món thịt chó, sau khi con lấy được nén bạc, bố
mời bà con, cô bác một bữa no say.

Cậu kêu gọi mọi người hãy lùi ra xa cây
bương, càng xa càng tốt. Có tiếng xì xào trong
tâm đông : bắt đứng ra xa cây bương lại lấy
được nén bạc, vô lý quá !

Vinh vứt rải rác lòng chó trên bãi cỏ. Chỉ
một lát sau, bầy quạ đen đánh hơi sà xuống
tranh nhau rỉa mớ lòng bầy nhầy vương vãi.
Một nhiên, cậu cầm một hòn gạch ném vào giữa

Đột nhiên, cậu cầm một hòn gạch ném vào giữa bầy quạ. Bị xua đuổi bất ngờ, đàn quạ xáo xác bay lên cao tìm nơi đậu, chắc còn muốn tiếp tục giải quyết nốt món ăn hấp dẫn. Nhiều con bay ra xa đậu trên các cây ở trong làng. Một con - chắc nó tưởng mình khôn ngoan nhất bầy - đậu ngay vào ngọn bương làm chèn bạc rơi xuống đất. Cả đám đông reo vui như chính mình đã có công, chia vui với Vinh. Lão bán thuốc kinh ngạc, tròn xoe mắt, khen cậu bé nhanh trí, tài giỏi, trao cho cậu bé né bạc và không quên nhận dạng cậu trước khi chào bà con, hứa hẹn sẽ có dịp đến thăm làng Hương.

Lần thứ ba, khách mắc lừa

Quả nhiên, một lần nữa, Thế Vinh lại dụng dẫu với người khách lạ. Hôm ấy, cậu cùng mẹ ra cánh đồng bẻ ngô (bắp) từ sáng sớm. Thời gian trôi rất nhanh, chẳng mấy chốc mặt trời đã tới đỉnh đầu. Mồ hôi nhễ nhại, hai mẹ con tạm vào nghỉ trong một điểm gác, ăn mấy củ khoai luộc cho đỡ đói lòng. Không ngờ trong điểm đã có một ông khách lạ "không mời mà đến"; người to béo, không chân lấm tay bùn

trung nét mặt có vẻ mệt nhọc, phe phẩy cái quạt giấy to. Chắc hẳn ông ta mới từ xa đến.

Người khách lạ lân la hỏi chuyện hai mẹ con về công việc làm ăn rồi tỏ vẻ thông cảm với đời sống lam lũ, vất vả quanh năm mà vẫn đông dư dật. Khi thiên tai, mất mùa còn cơ cực xiết bao ! Nói gần nói xa, vòng vo "tam tặc" mãi, ông khách mới đi vào đề, điều ông muốn nói :

- Trong thời buổi người khôn của khó, tôi thấy cháu mặt mày sáng sủa, tôi thương tình muốn giúp ông bà - Khách nói lưu luyến, tỏ vẻ bùi ngùi và tiếp : tôi có điều kiện gửi cháu đi học thành tài, cháu lớn lên tôi sẽ chọn người đứng đắn, hỏi vợ cho cháu. Khi cháu thành đạt, nếu ông bà muốn cháu về cùng với ông bà, tôi cũng vui lòng. Thấy bà Triệu, mẹ con có vẻ ngại ngại, khách hạ giọng, nói ra giọng quanh rồi như thăm thì : trông tướng cháu, tôi có thể nói trước với bà, cháu sẽ nên người, làm quan to. Tôi thật lòng muốn làm phúc, không có ý riêng tư gì đâu.

- Cảm ơn ông có lòng tốt đối với mẹ con ; bà Triệu thông thả đáp, để tôi còn phải đi bố cháu rồi mới trả lời dứt khoát với ông

được. Riêng tôi nghĩ : thà có rau ăn rau, có cháo ăn cháo, người mẹ Việt chúng tôi vẫn có truyền thống : nơi ướt mẹ nằm, nơi khô ráo đặt con. Làm sao có thể rời bỏ con được.

Thế Vinh nghe ông khách đồ ngon, đồ ngọt, trong bụng tức lắm. Ngoài mặt vẫn tỏ vẻ thản nhiên và làm như ưng ý, chỉ còn vấn đề mua, bán đất rẻ mà thôi !

– Thế ông định "mua" tôi bao nhiêu ? Cậu gắng hỏi.

Tưởng cá đã cắn câu và tin rằng nếu cậu bé này muốn đi với mình thì bố mẹ cậu cũng phải chiều theo, khách dồn dập hỏi:

– Muốn bao nhiêu cậu cứ nói ; một chục nén bạc được không?

Cậu hơi nhăn mặt.

– Hai chục nén có được không ?

Thế Vinh lắc đầu, đứng đĩnh nói :

– Ở quê cháu nghèo đói không quen dùng vàng, dùng bạc ; chỉ xin ông cho tiền đồng thôi.

Khách đắc chí, tin rằng phen này đã thắng cuộc :

– Tưởng cháu đòi gì, tiền đồng, chú có
n. Thế cháu muốn bao nhiêu ?

Thế Vinh tung ra một đòn quyết định :

– Xin ông cứ đặt ở mỗi gốc cây ngô trên
lãnh đồng này một đồng tiền ngay bây giờ,
cháu sẵn sàng đi với ông tới gầm trời cuối đất !

Người khách thấy mình thua trẻ con, mắc
m, vội đánh bài lui, trong bụng căm tức lắm.
rất tự an ủi : thua keo này, ta bày keo khác.

Lần thứ tư, khách lại về không

Băng đi một thời gian, bỗng một hôm,
tốt thầy địa lý ở phương Bắc đến làng Hương
bị thăm nhà ông Triệu. Trong khi chờ đợi ông
Triệu đi làm đồng về, người khách tranh thủ
lời gian thăm thú quanh vùng. Thực ra ông ta
m nơi táng mộ cụ Nghê, ông nội của cậu
lính. Ngắm nghía vị trí, khách tấm tắc khen
gôi mộ đặt ở nơi đất tốt, chắc con hay cháu sẽ
thất công hầu. Thần đồng đích thị ở làng này.

Khách sốt ruột. Ông Triệu vừa mới về đến
nhà, chưa kịp rửa chân tay, khách đã xin được
cếp chuyện ngay.

- Cháu sẽ làm nên sự nghiệp lớn, khác nói, ông bà không đủ tiền, đủ gạo để tiếp tục nuôi cháu ăn học đâu ! Thấy ông bà hiền lành phúc hậu, tôi muốn biếu ông bà một trăm lạng bạc để ông bà sửa sang nhà cửa, lợp lại mái tranh dột nát. Càng học lên cao càng tốn kém, tôi sẽ giúp ông bà mang cháu Vinh về, vừa cho cháu có điều kiện học lên, vừa chia sẻ nỗi vất vả của ông bà, thực hiện ý muốn cho cháu nên người làm sáng danh dòng họ.

Vinh đã thấy được mưu đồ của người khách lạ. Cậu suy nghĩ : khi thì ông bế cháu thuốc, khi thì thầy địa lý, lúc người khách quở trách, thủ đoạn nhiều vẻ, nào thách đố, nào mỉa mai lòng thương hại người nghèo nhưng cuối cùng cũng là để tách cậu ra khỏi gia đình và quê đất nước. Mấy lần trước cậu đều thoát được. Nhưng lần này, đối phó làm sao đây ? Nếu từ chối thẳng thừng, tất hẳn sẽ đến nữa. Chi bằng...

Cậu xin phép bố được thưa với thầy địa lý.

- Xin cảm ơn lòng tốt của thầy đối với bố mẹ cháu. Xin bố mẹ vui lòng nhận trăm lạng bạc của thầy, cậu nói tiếp, cháu chỉ bán khăn khăn gói lên đường đi ngay với thầy thì không

áp chuẩn bị. Chắc lần này, cháu phải xa nhà
mẹ ; chậm một ngày cũng không muộn gì !

Khách mừng rỡ, đồng ý ngay và ra về.

Vinh nói với bố mẹ xin trước cho cậu một
lỗ học ở nơi xa và cứ yên tâm, cậu sẽ trở về.

Hôm sau, thầy địa lý đến từ sáng sớm.
Ông bà Triệu làm cơm đãi khách và người con
cậu quý sắp phải xuống thuyền từ biệt bố mẹ.
Bố mẹ tiễn con lòng đau như cắt. Thuyền ngược
dòng lâu, Lương Thế Vinh vẫn ngoảnh nhìn về
đồng làng Hương. Như linh tính mách bảo,
ông bà Triệu tin tưởng ở con trai trước sau sẽ
tìm cách tìm về với bố mẹ.

Thuyền đã xa làng được một ngày rồi.
Thầy địa lý vất vả quá ! Khi thì Vinh khóc lóc
nhớ nhà, lúc lại kêu đau bụng, nhức đầu. Ban
ngày đã vậy, ban đêm thầy địa lý không thể
ngủ được. Chợp mắt được năm phút đã lại
thấy tiếng rên rĩ. Một đêm, thầy còn chịu
được. Hai, ba đêm, thầy muốn thức cũng không
được. Thầy lăn ra ngủ như chết.

Thời cơ đã đến. Vinh đem tài bơi lội ra thi
bố. Lên đến bờ sông, cậu tìm cách hỏi
đường về quê. Bố mẹ mừng vừa lấy được tiền

của kẻ “ không mời mà đến”, thằng bé lại được tiếp tục đi học để sau này ra giúp nước, tự phải trọ học ở nơi xa.

Thấy địa lý tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao. Nhìn vào khoang thuyền không thấy cậu M. đâu cả. Thầy đoán già, đoán non có thể thằng bé nhớ nhà ra đứng ở mũi thuyền rồi sẩy chân ngã xuống sông chết đuối ; có thể nó nhớ nhà quá, biết không còn cách gì để trốn về, tự vẫn chẳng ?

Kẻ thù còn trăm phương, nghìn kế để làm suy yếu nước Đại Việt, chưa từ bỏ dã tâm xâm lược. Nhưng chỉ biết rằng sau tam tứ phen thất bại, người lạ không đến “thăm” làng Hươu nữa.

TRƯỜNG THÀNH VÀ CÔNG HIẾN

1. Chế độ thi cử

Nhà Lê mở mang sự nghiệp giáo dục ; chế độ thi cử đào tạo được hoàn chỉnh, chính quy và có phần rộng rãi hơn các thời vua trước. Về nguyên tắc, không chỉ con em các gia đình quý tộc, quan lại mà cả con em các gia đình nghèo cũng được đi học, đi thi ; việc lựa chọn, bổ dụng, đề bạt có những quy định chặt chẽ. Tuy nhiên còn có một số nhận thức do thể giới hạn phong kiến khổng chế, gò bó như bắt buộc đi thi phải khai rõ lý lịch ba đời, con cháu gia đình xướng ca không được dự thi.

Quốc tử giám là cơ quan giáo dục cao nhất đặt tại kinh thành, có giảng đường, có phòng ở cho giám sinh nội trú, có kho tàng trữ sách (thư viện).

Giám sinh đến học từ 4 đến 6 năm, trung bình là 3 năm. Từ khi học đến kỳ đi thi, giám sinh phải học tập sách kinh điển của Nho giáo, Tứ thư, Ngũ kinh, tuyển tập thơ phú, tuyển tập

cổ văn, nghe giảng, bình văn và làm văn sách (bài trình bày kiến thức, mưu lược, kế sách củ học sinh để giải đáp câu hỏi của nhà trường). Giám sinh phải dự đủ : mỗi tháng có một kỳ tiểu tập, một năm có một kỳ đại tập, dự đủ cả kỳ học, sau khi trình Bộ Lễ xem xét đạt tiêu chuẩn mới được vào thi Hội, thi Đình.

Thi Hội ở kinh thành, thi Đình được tổ chức ở sân điện của vua. Vua ra đề thi Đình và chấm duyệt lần cuối. Đỗ thi Đình được xếp làm ba hạng :

Đệ nhất giáp Tiến sĩ (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa).

Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp).

Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân.

Nhà Lê đặt ra lễ xướng danh (lễ đọc tên người đỗ), lễ vinh quy (lễ đón rước người đỗ về làng). Thực hiện lệnh của vua Lê Thánh Tông có lễ khắc tên người đỗ tiến sĩ vào bia đá dựng ở Văn miếu - Quốc tử giám. Mỗi bia đều khắc một bài văn bằng chữ Hán ca ngợi công đức nhà vua, nêu lý do mở khoa thi, mục đích dựng bia để biểu dương nhân tài, khuyến khích vi

óc đương thời và cho hậu thế. Ở dưới khắc số
sơng thí sinh ; họ và tên, chức vụ những người
sợc giao trách nhiệm tổ chức cuộc thi ; những
người thi đỗ (thường gọi là bia Tiến sĩ).

Trong khu di tích văn hóa - lịch sử Văn
Miếu - Quốc tử giám ở thủ đô Hà Nội hiện nay
có 82 khoa thi đã được dựng bia ghi tên 1306
tiến sĩ. Ở tám bia khoa thi năm Quý Mùi, đời
vua Quang Thuận thứ tư (vua Lê Thánh Tông)
năm 1463, Lương Thế Vinh được ghi hàng đầu
trạng nguyên). Bộ sử đời Lê, Đại Việt sử ký
trần thư, đã nhiều lần nhắc đến tên ông vào
các năm 1467, 1468, 1480, 1486, 1493... đã
đăng định sự nghiệp, cống hiến của ông vì
n, vì đất nước, một sĩ phu chân chính, phẩm
tất trong sáng, đấu tranh chống lại những tệ
n xấu xa, một ông quan chính trực, đi sát
n.

2. Văn sách thi Đình

Ngày 16, tháng 2, năm Quý Mùi, vua Lê
Thánh Tông ra đề thi Đình : Luận về "Đạo trị
sợc của các bậc Đế vương".

Văn sách của Lương Thế Vinh gồm 3000
ữ đã thể hiện rõ nét quan điểm, nhân cách,

đạo đức, tác phong của ông. Toàn bộ văn sách đã được ông Bùi Văn Tam, nguyên giáo viên trường cấp 3B Vụ Bản - tỉnh Nam Định dịch và cụ Nguyễn Sĩ Ước hiệu đính (in ở phụ lục cuối cuốn sách). Dưới đây chỉ nêu một số nội dung rất đáng quan tâm từ cách đặt vấn đề, chỉ ra những thiếu sót, nguyên nhân thiếu sót và cách giải quyết để đất nước được thịnh vượng. Lương Thế Vinh đặt vấn đề : Bộ máy nhà nước của ta lập ra là vì dân. Nhưng vì sao "mọi việc làm chưa thật tốt, hình ngục vẫn phạm, kẻ cương chưa vững, lễ nhạc chưa hưng thịnh, nhân tài chưa nhiều, chưa giàu của cải, hàm hóa chưa lưu thông, đạo đức chưa thấm nhuần, quân dân còn oán trách, tệ xấu chưa trừ, việc tốt chưa thấy". Có phải "việc yên hay loạn do các quan ? Từ đó suy ra việc sửa mình hay không của các quan há chẳng liên quan đến việc yên hay loạn đó sao ?".

Có phải "trăm quan đều không làm hết chức trách. Không đúng. Có phải trăm quan đều làm hết chức trách, cũng không đúng. Lương Thế Vinh nhận xét : "Các quan ở phủ, lộ, trấn, huyện, người làm đủ chức trách thì ít, người làm không hết chức trách thì nhiều". "Việc giáo hóa dân, chăm sóc dân, thờ phụng

người có công cũng còn trên sổ sách. Con hiếu, cháu hiền, nghĩa phu tiết phụ... số đáng biểu dương hỏi được mấy người ? Mẹ góa con cô không thể tự sinh sống, triều đình phải giúp đỡ, nghe đâu không đến một vài người... Người quyền thế đang nắm việc quan, xứng chức thì ít, không xứng chức thì nhiều. Quan võ mà không thạo võ lược được mấy người ?..." Lương Thế Vinh phân tích và khẳng định hậu quả : đạo đức chưa thấm nhuần, quân dân còn oán hận, điều đó không thể tránh được"...

Căn cứ cách đặt vấn đề, nhận xét, phân tích thiếu sót và hậu quả, Lương Thế Vinh đi đến giải quyết : "cần dùng nhân văn để giáo hóa thiên hạ..." phải nắm vững các quan thì hình sự không sai lầm, tệ xấu bỏ được, tất cả được nhờ". "Đức vua phải cùng triều đình đồng tâm nhất thể... trên dưới phải cùng một chí. Vua thì không ngại tự sửa mình, bây tôi cũng không ngại tự sửa mình thì chính sự sẽ được tốt đẹp, nhân dân đều thấm nhuần đạo đức, còn lo gì không có cách nắm vững các quan, trừ tệ xấu"...

Các quan chấm thi Nguyễn Như Đổ, Nguyễn Phục, Đào Tuấn, Nguyễn Vĩnh Tích, Nguyễn Bá Kỳ đã nhận xét : "Quyển này có

học thức, xứng đáng đỗ đầu". Vua Lê Thánh Tông phê : "Quyển này rõ ràng không hổ danh là một bài đối sách, văn càng đọc càng cảm thấy thích thú" (Thử quyển tường minh bất t đối sách chi danh ; độc kỳ văn nhi nhân tâm thích thích yên).

Với 23 tuổi, quãng đời tuyệt đẹp, Lương Thế Vinh đã đỗ đầu thi Đình : Trạng nguyên. Phấn khởi trước thành công của khoa thi đầu tiên từ khi vua Lê Thánh Tông trẻ lên ngôi, vua tự tay đề tặng trên lá cờ cho 3 Tiến sĩ ở hàng đầu làm lễ vinh quy về làng :

Trạng nguyên Lương Thế Vinh

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh

Thám hoa Quách Đình Bảo

Thiên hạ cộng tri danh (thiên hạ đều biết tên)

3. Vua tin dùng người có đức, có tài

Thời thơ ấu, Lương Thế Vinh được biết với danh hiệu "thần đồng làng Hương". Khi thành đạt, vua Lê Thánh Tông đã đoán trước Trạng nguyên họ Lương sẽ được thiên hạ biết tên. Quả thật vậy, cả cuộc đời 32 năm làm

man, ông đều ở viện Hàn lâm và kiêm nhiều chức vụ khác nhau; nổi danh không chỉ ở trong nước, người nước ngoài cũng khen ngợi.

*

* *

Sau ít ngày liên hoan với dân làng Cao Dương, ông được vua vời về kinh đô giữ chức Hàn lâm trực học sĩ quyền cấp trung khoa bảng. Ba năm sau ông được kiêm chức Đồng bí thư giám, rồi ông được thăng Hàn lâm viện thị thư, chuyên soạn các văn kiện đối ngoại và đón tiếp sứ thần các nước sang thăm nước ta. Ông còn kiêm Tư huấn sùng văn quán và Tú lâm cục là những trường đào tạo nhân tài cho đất nước ; học sinh các trường này được vào thi hội hoặc được bổ nhiệm làm những quan chức cấp về văn thư hành chính, sổ sách cho nhà nước. Năm 1484, vua Lê Thánh Tông chủ trương tổ chức lễ khắc tên tiến sĩ vào bia đá dựng ở Văn miếu - Quốc tử giám ; quan Trạng nguyên Thế Vinh là một trong số ít các vị đại học sĩ được vua cử soạn văn ký để khắc vào bia.

Ít lâu sau ông lại được thăng Hàn lâm viện thị thư chưởng Hàn lâm viện sử và vẫn kiêm Tư huấn sùng văn quán và Tú lâm cục.

Năm 1493, Lương Thế Vinh được cử làm Đốc quyển Khảo quan kỳ thi Đình khoa Quố
Sửu.

Mùa xuân năm 1493, Lương Thế Vinh tháp tùng nhà vua đi dẹp một bộ tộc quấy rối vùng biên cương thuộc Châu Hoan (vùng Nghệ An, Hà Tĩnh hiện nay).

Năm 1494, vua có sáng kiến thành lập một hội làm thơ và bình thơ gọi là hội Tao đàn gồm 28 hội viên (Tao đàn nhị thập bát tú), ông Trạng được cử giữ chức Sái phu nghĩa là người chuyên phê bình và sửa chữa thơ văn trong hội.

Chỉ kể những chức vụ, những việc vua và triều đình giao cho Trạng nguyên Lương Thế Vinh đủ nói lên cống hiến của ông đối với dân và nước Đại Việt không nhỏ; làm rạng rỡ triều đại Lê Thánh Tông nói riêng và cả một thời kỳ từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI của đất nước nói chung.

Một ông quan chính trực

Mới làm quan trong triều được mấy năm năm Đinh Hợi (1467) Lương Thế Vinh đã kiên

kiết đấu tranh với những tệ nạn tham nhũng, thói hư, tật xấu của một số quan lại thay mặt triều đình để trị nước. Giám sát ngự sử Quán Công Thiêm nhận tiền hối lộ của Hàn Tông Nghiệp để lờ đi tội ác của hắn, Trạng Lường đã dâng thần tâu lên vua ; sau khi xem xét, vua cho bắt giam Quán Công Thiêm. Tháng giêng vừa xảy ra chuyện trên thì cũng tháng ba năm ấy, quan Trạng lại phát hiện Lê Tông Vinh man khai lý lịch. Lê Tông Vinh là con của Nguyễn Cố, người Gia Viễn (thuộc tỉnh Ninh Bình hiện nay) sau đổi họ Lê vì làm con nuôi của Tổng quản Lê Nguyên đang làm chức chỉ huy sứ vệ Vũ lâm, nay Lê Tông Vinh khai báo là con để để được mau thăng chức; triều đình đã cất chức Tông Vinh. Cũng ngay trong tháng đó, Trấn diện tướng quân Bùi Huấn thiếu đạo đức, ruồng bỏ vợ trong lúc ốm đau ; vì vợ mới chết đã lấy ngay em gái vợ. Quan Trạng thấy vậy coi là rối loạn luân thường đạo lý và nhà vua đã giao cho pháp ty trị tội Bùi Huấn.^(*)

Suốt cả hơn ba chục năm làm quan trong triều, Lương Thế Vinh luôn đi sát dân, lắng

nghe dân nói ; ông thường khuyên những người dưới quyền ông phải lấy đức làm gốc, chính mình phải gương mẫu mới giáo dục được người khác và dân mới tin quan phụ mẫu.

Ngoài năm mươi tuổi ông xin vua về hưu dưỡng tại quê nhà, sống cuộc sống bình dị cùng với bà con dân làng. Có một câu chuyện kể rằng : ông rất ghét thói quan liêu, hống hách của một số quan lại đương thời. Một hôm, ông đang chuyện trò với dân làng ở một quán bán nước. Bỗng nghe có tiếng mõ báo quan huyện Thiên Bản (nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) sắp qua làng. Quan huyện đã có tiếng đánh hay sách nhiễu dân. Ông nghĩ ngay phải là cho quan bớt thói hư này nên bảo mọi người hãy tạm rời khỏi quán nước, chỉ để mình ông ngồi lại.

Tiếng mõ nghe ngày càng gần. Quan huyện mập mạp, nửa thức nửa ngủ ngồi trên cáng. Hai người lính khiêng cáng gầy gò, mồ hôi ướt đầm áo, xem chừng mệt nhọc lắm. Quan ra lệnh bắt phu để thay lính khiêng mả đoạn. Không biết mặt Lương Thế Vinh, lính chỉ thấy có một người ngồi ở quán. Bà chủ quán đã có tuổi. Đánh chỉ "bắt" được ông. Ông không nói một câu nào, theo "lệnh" của lính

thiêng cáng. Sắp ra khỏi đầu làng, gặp một bà
n bên đường, ông nói vội :

– Nhờ bà đi qua làng Vân Cát, xã An
thái báo hộ với quan Thám hoa Trần Bích
hoành chuẩn bị thay tôi khiêng cáng cho quan
huyện nhà nhé !

Khắp trong huyện ai cũng biết ông Hoàng
Thám hoa khoa Mậu Tuất (1478) và làm tới
Đông các đại học sĩ. Quan huyện đang mơ
càng trên cáng nghe câu được câu chẳng mới
ở mắt to ra, định thần lại. Thì ra người
thiêng cáng thay cho lính không ai khác là
quan Trạng Lương Thế Vinh. Hồn vía lên mây,
quan huyện cố nhìn kỹ ; không ngờ quan Trạng
về về nghỉ hưu ở quê. Huyện quan bèn nhảy vội
từ trên cáng xuống, cúi rạp đầu xin tha tội vì
nam thượng. Lúc này quan Trạng mới nghiêm
hắc lên tiếng từ nay không được phiền hà,
ích nhiễu dân. Quan huyện mời ông lên cáng
để đưa ông lại nhà. Ông từ chối và đi bộ về.
Rúng túng quá, quan huyện phải đi bộ cùng ông
đến quán nước cũ. Quán nước đang đông vui,
ấy ông đã về lại đi cùng quan huyện mọi
người được một bữa cười no !

*Một nhà ngoại giao mềm mỏng nhưng
kiên quyết ...*

Dưới triều vua Lê Thánh Tông, khoảng nửa sau thế kỷ XV, nước Đại Việt được củng cố về mọi mặt, giữ vững được thành quả dựng nước và giữ nước. Nhân dân sống yên vui trong không khí thanh bình. Địa vị và uy tín của nước nhà được nâng cao. Triều đình thi hành một chính sách ngoại giao mềm mỏng, nhưng kiên quyết nhằm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của nước ta, giao hảo với các nước, đẩy lùi mọi sự xâm lấn, gây rối ở biên giới.

Năm 1480, một số quan lại nhà Minh thường tìm cách gây khó khăn cho hoạt động của sứ thần ta thậm chí Tri huyện Bằng Tường Lý Quảng Ninh dám bắt giam sứ thần của ta là Hoàng Thế Thái. Chúng còn cho người vượt biên giới lấn chiếm đất đai, không ngăn chặn bọn phỉ tiến sâu vào đất nước ta cướp bóc của cải từ trâu bò đến thóc gạo, thức ăn, vật dụng.

Triều đình ra lệnh cho quan Trạng dư thảo văn bản thay mặt nhà vua gửi cho triều đình nhà Minh đòi chấm dứt các hành động ngang ngược nói trên. Dự thảo các văn kiện đã

ợc Viện đông các, triều đình và vua Lê
nánh Tông xem lại và nhất trí : lời lẽ khiêm
tường, thái độ kiên quyết, chứng cứ cụ thể,
bổ động giải quyết hợp tình, hợp lý, không có
lỗ hổng nào để đối phương bắt bẻ, gây rắc rối
têm.

Vua nhà Minh buộc các quan lại địa
phương phải trả lại tự do cho sứ thần ta, bồi
tường cho dân ta ở gần biên giới, trả lại của
ta đã chiếm kể cả đất đai...

Một nhà giáo, một nhà toán học hiếm có

Lương Thế Vinh là một nhà giáo dục uyên
mức. Ông ở Viện Hàn lâm và đã dạy học ở Quốc
giám, trường đào tạo các quan cao cấp của
triều đình. Ông còn dạy toán ở Tú lâm cục
têm chức cấp sự trung khoa công chuyên khảo
việc xây dựng các công trình cung điện, đền
miếu, thành quách, đường xá, đê điều; kiểm tra
thu nhập thuế vào kho của nhà vua; đào
tạo các nho sinh làm nghiệp vụ sổ sách tính
toán ở các cơ quan của triều đình và của các
phương.

Có thể nói ông là nhà toán học đầu tiên ở
Việt Nam. Công trình "Đại thành toán pháp" là

cuốn sách giáo khoa về toán do ông dày công nghiên cứu. Cuốn Lịch sử Việt nam tập I do Nhà xuất bản Khoa học xã hội phát hành năm 1971 đã nhận định : "Lương Thế Vinh với Đại thành toán pháp và Vũ Hữu với Lập thành toán pháp là những nhà toán học đã cố gắng hệ thống hóa những thành tựu hình học, số học đương thời. Lương Thế Vinh rất coi trọng môn toán và đã vận dụng toán học vào việc đo đạc ruộng đất" (trang 281 - trang 283). Tú tài Phạm Hữu Trung người làng Lai Hạ (nay thuộc huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương) người cùng quê với Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh (cùng thi Đình một khóa với Lương Thế Vinh) sống vào đời Lê Cảnh Hưng đã nhắc đến Đại thành toán pháp, tài toán học của trạng nguyên Lương Thế Vinh khi biên tập bằng thơ chữ nôm sách toán của mình. Theo ông Trung khẳng định thì "Cửu chương" là của Lương Thế Vinh. Tại đền thờ Trạng nguyên ở làng Cao Hương, còn có đôi câu đối sơn son thiếp vàng của Hoàng giáp tại đẳng Nghĩa Trai Phạm Văn Nghị tặng ca ngò Lương Thế Vinh :

Tam khôi thái kỳ thiên tử chế

Cửu chương toán học nhân gian truyền

ghĩa là :

Vua ban tặng cờ hoa tam khôi

Dân lưu truyền toán học cửu chương)

Lương Thế Vinh rất quan tâm đến cải cách giáo dục nhằm phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục. Ngay trong văn sách dâng Đình ông viết "việc giáo dục làm tốt thì phong tục đẹp, có tôn sư trọng đạo thì mới có nhiều người giỏi, giáo chức có quan hệ lớn như vậy đó... Các trường ở trong nước và địa phương đào tạo người tài chỉ chú ý đến văn chương, cái đáng lo là chưa dạy về đức hạnh". Ông có mấy kiến nghị với nhà vua và triều đình : cần quan tâm phát triển văn hóa-giáo dục xuống tận làng xóm đồng thời chú ý dạy toán học hơn nữa trong các trường. Cần tổ chức nghiêm túc các kỳ thi, bỏ chính sách đặc cách cho các quan lại (để khắc phục thiếu sót từ 1486 trở về trước các quan viên thư lại chưa đỗ thi Hương đã cho vào thi Hội) gây lộn xộn và không khuyến khích người học giỏi. Trước khi thi Hương phải qua sát hạch ở phủ, huyện.

Trong 32 năm ở quan trường, Trạng nguyên Lương Thế Vinh đã đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước. Học trò của ông có

nhiều người đỗ cao như tiến sĩ Nguyễn Tấn Đạt (người ở Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) khoa thi 1469 ; Thám hoa Trần Bích Hoàn (người ở Vụ Bản, tỉnh Nam Định) khoa thi 1478 ; Tiến sĩ Trần Vinh (người ở Vụ Bản, Nam Định) khoa thi 1499. Người học trò thành đạt nhất là Lương Đắc Bằng người làng Hội Triều (xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa) thi Hương : đậu Giải nguyên, thi Hội : đậu Hội nguyên, thi Đình : đậu Bảng nhãn. Lương Đắc Bằng là người học trò duy nhất được Lương Thế Vinh truyền môn Thái âm thần kinh – cuốn sách của Trung Quốc đi sâu phân tích kinh dịch, đề cao lý học (phải giỏi toán mới nghiên cứu được).

Một nhà nghiên cứu nghệ thuật sâu sắc

Khi còn nhỏ, Lương Thế Vinh đã có khiếu về âm nhạc và thích xem hát chèo. Khi làm quan trong triều ông có điều kiện thưởng thức và nghiên cứu nhạc cung đình. Vua Lê Thánh Tông đã giao cho ông, ông Thân Nhân Trung và ông Đỗ Nhuận soạn hai bộ lễ nhạc dùng trong các ngày lễ của quốc gia và trong các buổi họp của triều đình (bộ Nhã nhạc và bộ Đồng văn)

Nhưng điều mà các đời sau hết lời ca tụng và khâm phục là ông đã để nhiều thời gian nghiên cứu về nghệ thuật kịch hát trong dân gian, nghệ thuật chèo ; trong khi hát chèo không được diễn trong cung đình thì các phường chèo phát triển mạnh ở khắp nơi, khắp chốn. Ông đã có công lớn đề cao được giá trị nghệ thuật dân gian.

Với bút danh Thụy Hiên, ông đã hoàn thành vào năm cuối đời (1496) một công trình nghiên cứu "Hý phường phả lục" (ghi chép về phường chèo) sau khi đã khảo sát hàng trăm phường chèo. Tiếc rằng chưa kịp khắc in, ông đã qua đời. Năm năm sau, năm Tân dậu (1501), đồng nghiệp của ông, tiến sĩ Quách Hữu Nghiêm (quê ở vùng Phúc Khê, nay thuộc huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) đã đề tựa và cho in cuốn này.

"Hý phường phả lục" có phần viết về lịch sử nghệ thuật chèo và một phần gọi là tạp lục trình bày về tổ chức ca kịch chèo, những luật lệ, kế ước trong phường chèo, có tính tổng kết thành lý luận.

Theo nghiên cứu của Thụy Hiên, bà Phạm Thị Trân thời vua Đinh Tiên Hoàng là tổ sư của hát chèo. Do tài múa hát và làm trò, bà

được mời vào cung để dạy và biểu diễn trong quân đội.

Tiếp theo, ông Đào Văn Sớ là tổ sư về "trình nhai" biết thông thạo múa, hát và bắt chước người khác làm y như hệt ; ông Sái Át : tổ sư về "khôi hài". Tổ sư viết tích chèo nổi tiếng đầu tiên là ông Từ Đạo Hạnh.

Về nghệ thuật biểu diễn chèo, Lương Thế Vinh đã nêu thành quy tắc tương quan gọi là "tứ tương" (tương quan trong và ngoài, tương quan giữa gầy và béo, tương quan trên dưới phù hợp, tương quan phải trái) và có luật "hồ húng tương sinh" (thế giằng co đối đáp nhau trong sự giao lưu nhân vật), luật "ngũ kỵ" (năm điều cần tránh trong khi biểu diễn).

Ông nhấn mạnh : hình thức bên ngoài tu trang sức, múa, hát, điệu bộ phải thể hiện cái chứa đựng bên trong nội tâm và do vậy có tác dụng giáo dục thẩm mỹ làm cho người xem có những suy nghĩ, tình cảm đẹp. Ông phân tích "xem trong muôn loài có trống, có mái. Xem trong trời đất có âm, có dương. Trống, mái, âm dương giằng giữ nhau mà sinh ra đạo lớn. Múa là vẻ bên ngoài của khí chất bên trong..." "Múa phải đẹp, hài hòa, cân đối mới thể hiện nội

âm". Ông nêu thành quy tắc "Lục tự" (sáu chữ) trong việc lựa chọn, đào tạo và luyện tập của diễn viên chèo. Sáu chữ : Thanh-Sắc-Thực-Tĩnh-Khí-Thần chính là sáu tiêu chuẩn diễn viên : mỗi tiêu chuẩn ông tóm tắt trong 4 câu thơ 7 chữ, từ giọng hát, nhan sắc, thành thực nhập vai đến nắm tâm lý nhân vật, làm cho người xem cảm xúc sâu sắc, đồng cảm với tâm hồn nhân vật trong chèo. Cái đẹp của người nghệ sĩ chèo còn là phải đứng về phía thiện và ghét cái ác không như một số nhà nho mà ông Nguyễn Khuyến gọi là "nho gàn" chê chèo hát là "dâm" và "tục". "Hý phường phả lục" là tác phẩm lý luận đầu tiên về nghệ thuật kịch nói cổ truyền.

Nguyễn Khuyến tức Tam nguyên Yên Đổ, nhà thơ kiệt xuất của nước ta thế kỷ XIX đã có một bài thơ "Đề đền thờ Trạng nguyên họ Trương" :

Vượt lạch lên mấy chí khác vời

Núi Nam, sao Đẩu một người thôi

Châu tuôn muôn học - nguồn văn lớn

Thế quét ngàn quân - mạch bút sôi

Chí lớn - nhục vinh nào chút bợn

Tài cao – Kế lược suốt muôn đời

Nho gần chớ vội chê chèo hát

Đáng bậc tài năng chuyển đất trời

Một nhà văn, một nhà thơ yêu nước

Thời Lê nói chung Nho giáo giành địa vị thống trị và trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến tập quyền. Nho giáo nước ta chịu ảnh hưởng của học thuyết Tống Nho do các nhà nho đời Tống (Trung Quốc) xây dựng trên cơ sở học thuyết Khổng Tử, buộc mọi người phải phục tùng tuyệt đối quyền hành tối cao của vua, người thay Trời trị vì đất nước. Về văn học, thơ ca có những hạn chế : về hình thức, phần lớn sử dụng chữ Hán, về nội dung thường bó hẹp trong việc ca ngợi, sùng bái nhà vua, và điển tích nhiều khi cũng mượn của Trung Quốc để nói lên nỗi lòng, tâm tư của nhà văn, nhà thơ. Song Nho giáo có mặt tích cực như Bác Hồ chúng ta đã từng nói : "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân" và Nho giáo khi vào nước ta có những biến đổi, đã Việt Nam hóa. Ở một nước như nước ta, luôn luôn phải chống chọi với giặc ngoại xâm và thiên tai thì linh thần yêu nước

nh thần đoàn kết các dân tộc trong nước đã
gành một truyền thống quý báu. Nhà vua và
tiêu đình khi xây dựng, củng cố chế độ phong
kiến đều phải gắn với lợi ích tối cao của dân tộc
và giữ gìn củng cố độc lập và các sĩ phu yêu
nước là "nhân vật điển hình của thứ chủ nghĩa
vua nước mang màu sắc nho giáo".

Lương Thế Vinh là một trong những nhà
thiên văn và đã thể hiện trong văn thơ, trong
kỹ thuật. Có thể nói tiêu biểu trong những
tác phẩm của ông là văn sách thi
c, ông có nhiều đóng góp cho văn học đất
nước, rất tiếc những bài văn thơ của ông không
được lưu giữ được đầy đủ.

Mùa xuân năm Hồng đức thứ 25 (1494),
nhà Lê Thánh Tông có Lương Thế Vinh tháp
sĩ cùng tướng sĩ kéo quân vào Châu Hoan
(Nghệ An và Hà Tĩnh hiện nay) để dẹp một bộ
ngoại bang sang quấy rối ở biên giới. Dọc
đường hành quân, trong đêm khuya, vua tức
sinh tình làm một bài thơ bằng chữ Hán
"tướng sĩ tư gia" (tướng sĩ nhớ nhà) và theo lệ
vua yêu cầu mọi người họa lại. Bài thơ
lên nỗi buồn dài lê thê, nhớ nhung người
ân, trong khung cảnh "đêm sáng trời cao,
trăng đơn chiếc" "Gió bắc lạnh lùng"

muốn uống rượu để khuây khoả, nhưng uống mãi được sao ; mong tin tức nhưng "e rằng chim nhận ít bay về kinh thành" Lương Thế Vinh đã hoạ lại cũng bằng chữ Hán. Theo bản dịch của Nguyễn Ngọc San và Bùi Văn Nguyên trong Hợp tuyển thơ văn Việt Nam tập II :

Nợ nước tình nhà muốn vẹn đôi

Non quê mây trắng lững lờ trôi

Trống canh nghe điểm ngày như mộng

Quán trọ nằm sông lạnh cả người

Muôn dặm ngựa kêu vò tắc dãi

Một trời nhận vắng bắt thăm hơi

Cung tên quyết hẹn đền xong nợ

Gió mát về kinh bước thảnh thơi

Trên đường trở về kinh, vua và đoàn tùy tùng qua cửa Thần Phù dừng chân thăm động Lục Vân, một thắng cảnh ở làng Chính Đại (nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình) vua cho khắc bài thơ vào đá núi, mời mọi người hoạ (cũng bằng chữ Hán) đại ý như sau : Động Lục Vân sâu thẳm bao bọc bởi núi cao, dưới bầu trời bao la , ánh mặt trời buổi chiều chiếu

to khe núi huyền ảo ; chim nháy nhót trên
những liễu ; dưới suối hươu lặng lẽ chùi tai ; nai
ngạc trong khung cảnh im ắng ; mặc cho
mặt trời xoay vần. Lương Thế Vinh cũng họa
đi bằng chữ Hán. Ông cũng tả cảnh sông núi,
thiền động, ngôi chùa cổ ẩn dưới rừng chuối,
rừng rậm hót... nhưng lại chạnh nhớ tới
thuyết vị đạo sĩ đã cứu giúp vua
khỏi cơn sóng gió bão táp bằng cách lấy
thần chỉ sóng, sóng yên biển lặng ở cửa
núi Phù và khi nhà vua mời về kinh thành,
đạo sĩ đã cảm tạ và thối thác. Vua hỏi nơi ở,
đạo sĩ chỉ vào động Lục Vân : Nay vị đạo sĩ ấy
còn rỗi?

Năm tháng cuối đời, ông có làm hai bài
thơ chữ Hán "Núi Phú Xuân" và "Khóatic áo
cùng câu cá trong đầm". Cả hai bài đều ca
 ngợi một nhà ẩn dật nổi tiếng đời Hán là
Nghiêm Quang (hiệu Tử Lăng) khi còn nhỏ
 chơi với Hán Quang Vũ. Khi Hán Quang Vũ
 làm vua, mời Nghiêm Quang ra giúp, ông từ
 chối, khẩn khoản mãi mới nhận ; nhưng sau
 khi vua làm sai không được, khuyên vua làm
 đúng không nghe, chán cảnh quan trường ông
 về làm ruộng ở chân núi Phú Xuân, câu cá
 trên sông, sống cuộc đời bình dị cho đến khi

mất. Phải chăng đây cũng là tâm tư của Lương Thế Vinh lúc cuối đời.

Trong các bài thơ, phú còn lưu giữ được của Lương Thế Vinh bao giờ ông cũng gắn liền với thiên nhiên với tình cảm yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo, ca ngợi thông cảm với những người vì dân, vì nước phải xa người thân để thực hiện nghĩa vụ, và nói lên tâm tư của chính mình.

Một nhà nghiên cứu Phật học

Trong lúc Nho giáo được nhà Lê suy tôn thành quốc giáo thì Phật giáo, Đạo lão bị lãng quên. Nhà Lê cũng hạn chế cho rằng hai đạo giáo này làm cho con người thoát ly trần tục tức là thoát ly sự kiểm chế của chế độ quân chủ độc đoán. Trong bài văn sách thi Đình của Lương Thế Vinh cũng thể hiện nhận định trên.

Về cuối đời, ông có điều kiện đi sâu nghiên cứu về đạo Phật, phân tích cho những người theo đạo Phật hiểu rõ đạo lý của đạo Phật là làm việc thiện, tránh điều ác, đề cao "từ bi hỷ xả" của đạo, lên án những thói hư, tật xấu, những tệ nạn của quan trường, của cả nhà nho hủ bại. Xuất thân là nhà nho chân chính ông là người giải thích 10 điều răn đạo

Phật qua tác phẩm "Thích điều giáo khoa
tập Kinh thập giới" và đề tựa hai cuốn sách
đạo Phật của sư Thường Chiếu nhà Lý. Có
vì vậy, nhiều nhà Nho đương thời không
chính ông và khi mất ông không được thờ ở
Miếu ngang hàng với các bậc danh nho
sắc vì cho rằng ca tụng đạo Phật, ca tụng
lao, trái với Nho giáo. Một thế kỷ sau, tiến sĩ
Nhiệm Đạt đã làm thơ tứ tuyệt về 25 bậc
nho đời Lê trong đó hết lời ca ngợi Lương
Thế Vinh và học trò của ông là Lương Đắc
ng, riêng về Lương Thế Vinh có bài thơ sau :

Sách danh phi bộ quán quân hiền

Khoái trá văn chương khẩu thượng truyền

Hư tịch khôì hài nho bất đạo

Tòng hà mạn đạo thị đồng tiên ?

thĩa là :

Thanh danh lừng lẫy vượt quân hiền

Khoái trá văn chương miệng vẫn truyền

Hư tịch, khôì hài nho chẳng nói

Vì đâu mà biết trẻ thần tiên ?

*

* *

ĐOẠN KẾT KỂ CHUYỆN

TRẠNG LƯỜNG

Cuộc đời và sự nghiệp của Trạng nguyên Lương Thế Vinh là tấm gương sáng.

Khi còn niên thiếu, sống trong một gia đình nông dân nghèo có chút học vấn, Lương Thế Vinh đã sớm làm quen với lao động và hiểu giá trị của lao động.

Được sự giáo dục và quyết tâm của gia đình, người con có hiếu đã ham học tập, biết cách học tập, nổi tiếng khắp vùng "thần đồng làng Hương".

Lương Thế Vinh không chỉ biết học cò biết chơi, biết thư giãn và chính vì biết chơi biết thư giãn cho nên việc học tập càng kết quả hơn. Ngay từ nhỏ cậu Vinh đã là người say mê quý trọng âm nhạc dân tộc, nghệ thuật sân khấu chèo, thích thả diều, bơi lội. Cậu còn động bày các trò chơi lành mạnh, thông minh, khoa học với các bạn cùng lứa tuổi.

Bài văn sách thi Đình của thanh niên Trương Thế Vinh đã thể hiện rõ quan điểm ủng hộ dân, vì dân, vì nước và như một bản tuyên ngôn của ông Trương tương lai xuyên suốt mọi hoạt động trong ba mươi hai năm làm quan dưới thời vua Lê Thánh Tông.

Trương nguyên là một ông quan ngay thẳng, chính trực, dám nói thẳng, nói thật ngay cả với vua, người thay Trời trị vì đất nước, không sợ phạm thượng, không ngại kẻ thù, kẻ cơ hội dèm pha. Tuy bị thế giới Nho giáo, phong kiến hạn chế, ông đã đi trước thời đại, đánh giá đúng vị trí của khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật do vậy người dân đặt tin cho ông là Trương Lương. Trong khi nhiều nhà Nho và cả triều đình hạ thấp nghệ thuật dân tộc thì ông là người đã có công trình nghiên cứu có thể nói đầu tiên về nghệ thuật múa hát chèo, một bản lịch sử và tổng kết thành lý luận về nghệ thuật dân tộc độc đáo này. Trong khi Nho giáo là quốc giáo, các đạo Phật, đạo Lão bị lấn át, ông cũng là người đã nghiên cứu về đạo Phật, đề cao tính nhân đạo, khuyên làm điều thiện, tránh điều ác, thói hư, tật xấu.

Những giai thoại, những chuyện kể về ông từ thời trẻ và cả khi đang làm quan trong triều được truyền từ đời này qua đời khác chứng tỏ ông được nhân dân kính trọng và yêu mến một con người đức tài toàn vẹn.

*

* *

Ngày 26, tháng 8 năm Bính Thìn (1496) Trạng nguyên Lương Thế Vinh tự Cảnh Nghi hiệu Thụy Hiên đã mất tại quê nhà, làng Cao Hương (nay là làng Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) thọ 56 tuổi.

Để nhớ tới công ơn của ông đối với dân với nước dân làng đã trân trọng, gìn giữ phần mộ của ông tại khu mả Trạng. Đền thờ được xây dựng trên nền nhà cũ của ông tại Giã Nhất, làng Cao Hương và đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận di tích lịch sử văn hóa. Hằng năm đều có lễ hội nhân ngày mất, ngày sinh của ông. Tại di tích lịch sử văn hóa Văn Miếu - Quốc Tử Giám, ở thủ đô Hà Nội, tồn tại tất cả lịch sử và cống hiến của Trạng nguyên Lương Thế Vinh đã được giới thiệu trang trọng bên cạnh thầy dạy học và nhà trí thức nổi tiếng đời Trần : Chu Văn An.

*

*

*

Ngày nay trong thời đại Hồ Chí Minh, nhân dân ta đang sống yên vui trong một nước Việt Nam độc lập, thống nhất. Những thành quả của hơn mười năm đổi mới đã tạo thuận lợi cho Tổ quốc chúng ta chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xây dựng đi đôi với bảo vệ đất nước, đồng bào người dân của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa quyết tâm góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp chung. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, nhân dân ta sẽ phát huy được mọi thuận lợi, đẩy lùi mọi thách thức, nguy cơ, vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Kỷ niệm 24 năm, ngày giải phóng miền
Nam thống nhất đất nước – 30/4/1975
– 30/4/1999

Hoàng Liên

PHỤ LỤC

BÀI VĂN SÁCH THI ĐÌNH KHOA QUÝ MÙI NĂM QUANG THUẬN THỨ TƯ ĐỜI LÊ THÁNH TÔNG (1463) CỦA TRẠNG NGUYÊN LƯƠNG THẾ VINH

Nguồn gốc : Tú tài Trần Văn Tước người làng Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản chép. Con là cụ Trần Văn Phu ở số nhà 70 phố Cầu Gỗ, Hà Nội tặng lại đền thờ Lương Thế Vinh. Hiện ông thủ từ Nguyễn Văn Huyền người làng Cao Phương giữ.

Người dịch : Bùi Văn Tam, giáo viên trường cấp 3B Vụ Bản, Hà Nam Ninh dịch. Cử Nguyễn Sĩ Ước hiệu đính.

Bản dịch

Thánh thần cổ xưa, thay trời dựng đời. Lê đó xưa nay là như vậy.

Cho đến đời sau, thuyết Phật Lão mạnh lên, từ đó có thuyết lý Tam giáo, thì lòng người theo đạo không như xưa nữa.

Giáo lý đạo Phật Lão thấy đều mê lừa
ân, che lấp nhân nghĩa, cái hại không thể kể
lết, mà lòng người vẫn quá tin theo.

Đạo của thánh nhân, lớn theo Tam cương
Ngũ thường, nhỏ học Tiết văn độ số, mọi thứ
đều cần dùng hàng ngày, mà lòng người ham
ních lại chẳng bằng đạo Phật Lão. Cớ sao ?
Thà nước ta, lập quan đặt chức, lớn nhỏ cùng
lối, trong ngoài nối nhau. Bàn việc cơ mật có
ội mật viện. Coi giữ các miền có Ngũ đạo
quan. Xử kiện tụng có Ngũ hình viện. Chức củ
ít có Ngự sử đài, nắm lễ nhạc có Lễ nghi
ện, đào tạo nhân tài có trường của nước, của
, coi giữ kho tàng xây dựng có Nội thị tỉnh,
ữ nơi xa có các quan phủ lộ trấn huyện. Năm
chép quân có quân quan các vệ. Những chức
tộc đó đều vì dân mà đặt ra vậy.

Thế mà mọi việc chưa thật tốt, hình ngục
n phạm, kỷ cương chưa vững, lễ nhạc chưa
ng thịnh, nhân tài chưa nhiều, của cải chưa
àu, hàng hóa chưa lưu thông, đạo đức chưa
ấm nhuần, quân dân còn oán trách, tệ xấu
hư trừ, việc tốt chưa thấy. Cớ sao ?

Điều trọng yếu để cai trị, không ngoài sự
ểu rõ đạo thánh, chính nhân tâm, trừ đi

đoan, nắm quan chức, bỏ tệ xấu làm việc tốt. Làm được những điều đó, tất phải có cách của nó. Sĩ đại phu thông hiểu xưa nay, phải đem hiểu biết viết thành sách để nhà vua xem vậy.

Theo thần, từng nghe cái hại của tà thuyết chính là có nguyên do, trị nước có hiệu quả cũng là có gốc. Do đâu vậy ? Đó là do không hiểu rõ đạo thánh. Gốc nào vậy ? Chính là sự vua tôi theo đạo đến cùng. Biết như vậy, cái hại của tà thuyết có thể tìm cách trị được.

Nay vâng lệnh.

Bệ hạ cho thần vào cung đình, thần tự hồ chán, lấy việc chính đạo, dị đoan mà bàn luận tiếp đó lại lo âu về thời nay chưa yên ổn, mong tìm cách xử liệu. Hạ thần ngu dốt, nào có biết đầy đủ. Nhưng như người xưa có nói : Phải lắng nghe lời người cất cỏ, kiếm củi. Huống hồ thần là chân khoa mục, lại làm thỉnh không nói một lời sao được. Thần kính cẩn chấp tay cúi đầu xin thưa. Thần xin đọc :

Sách thánh viết : thánh thần xưa kia thay trời dựng đời. Lẽ đó xưa nay là như vậy. Cho đến đời sau, thuyết Phật Lão mạnh lên, từ đó có thuyết lý Tam giáo, thì lòng người theo đạo không như xưa nữa. Giáo lý đạo Phật Lão thối

ều mê đời lừa dân, che lấp nhân nghĩa, cái gì không thể kể xiết, mà lòng người vẫn quá n theo.

Đạo của thánh nhân, lớn theo Tam cương ngũ thường, nhỏ học Tiết văn độ số, mọi thứ đều cần dùng hàng ngày, mà lòng người ham thích lại chẳng bằng đạo Phật Lão. Cớ sao ?

Thần xin có ý kiến về việc này :

– Bệ hạ biết rõ đạo thánh có thể làm được, mà lại hiểu sâu sắc rằng làm theo dị đoan là sai. Thần xin phép diễn giải. Thần nghe nói đạo âm dương tồn tại trong trời đất vậy. Cái thiện đã thành tính thì đạo học hòa vào trong lòng người vậy. Do thánh nhân có thể làm được đến cùng, tất vì thế mà quy về thánh nhân.

Cái đó nguyên ở trời mà cuối cùng trở về thánh nhân. Đó chính là việc thay trời mà làm vậy. Đạo của thánh nhân tất phải dùng được. Có thể dùng đạo đó để cai trị được. Từ thời Phục Hy vẽ bát quái để làm sáng tỏ đạo thánh. Thần Nông làm cày bừa, dân sống giàu lên, đều là kết quả của đạo thánh vậy. Đến thời Hoàng đế Nghiêu Thuấn, thần đạo đã biến hóa, thích nghi với dân. Cớ làm sao mà không thay

trời trị đạo có hiệu quả được? Đạo truyền đến thời Hạ Vũ, tất phải luận bàn tinh thông thêm một bước. Đạo truyền đến thời Thang Vũ tất có hiệu quả ngày càng lớn hơn. Chính cái thuần khiết của Đạo đã có từ thời đó vậy. Kinh Dịch viết : "Họ Phục Hy mất thì họ Thần Nông nổi lên. Họ Thần Nông mất thì Hoàng đế Nghiêu Thuấn nổi lên. Hàn Tử nói : Nghiêu truyền cho Thuấn, Thuấn truyền cho Võ, Thang Văn Vũ đều làm như vậy. Thời đó như thế. Ở trên vững vàng, ở dưới tốt đẹp, chính đạo ở đời cũng giống như mặt trăng mặt trời lệ thuộc vào trời vậy. Vậy thói dị đoan mạnh lên từ đâu ? Đến thời Khổng Tử, đạo thánh không thực hiện được, nên bắt đầu phải bàn đến việc chống dị đoan. Đến thời Mạnh Tử, cách đời các thánh càng xa, tất có lời nói của bậc cự phu như Dương Chu, Mặc Dịch. Từ đó về sau, đạo thánh ngày một suy yếu, mà thuyết Phật Lão lại mạnh lên. Đạo Phật thường tôn sùng sự tịch diệt, từ thời Hán Minh đã nhập vào Trung Quốc. Đạo Lão coi trọng sự hư vô thì khởi đầu từ đời Hán mà thịnh lên từ đời Đường Tống. Cho nên từ đó về sau gọi là thuyết Tam giáo vậy, nhưng tất nhiên đạo thánh là chính, Phật Lão là tà, sao lại có thể coi là Tam giáo được ? Người đời sau không xét được chỗ đó, còn ngờ vực, cho nên

ng người theo đạo không như xưa. Theo thuyết lý Phật Lão gần như đúng mà lại sai to, tìm cho người đời bị lừa dối, che lấp nhân nghĩa, quả thực là vậy. Theo đạo thánh, có một Phật tất có một lý, đó chính là Tam cương Ngũ thường. Tiết văn độ số, không thể không đầy đủ được ! Phật Lão có hại như thế, đáng lẽ dân phải không tin, mà sao lại tin như vậy. Đạo thánh như vậy đáng lẽ dân phải thích mà sao lại ít thích ? Sở dĩ thế, không có gì khác chính là do đời suy, đạo yếu mà ra cả. (Vua phê là đúng). Cho nên, Chu Công chết đi thì trăm đời sau không có ai giỏi trị dân. Mạnh Tử chết đi thì ngàn năm sau không một ai là nhà Nho chân chính. Vả lại, đến đời Hán Đường tuy ham thích Nho, nhưng không làm sáng tỏ được Đạo. Như vậy thì dân sao lại không bị hãm vào đạo Phật Lão được ?

Hướng hồ theo thuyết nhà Phật, lời nói : "Kiến tính thành Phật" đã đủ làm cho người có học thức ưa thích, thuyết thiện ác quả báo cũng làm cho người dân thường sợ hãi. Do đó lòng người đã bị mê hoặc vậy. Theo thuyết lý đạo Lão, tìm cái nghĩa huyền hoặc trong sự huyền hoặc lại cho là cao luận, thuyết thần tiên bất tử, lại quyến rũ dân thường, khiến lòng dân dễ

bị hãm vào vòng đó. Đời Vũ Đế hùng tài còn thích đạo sĩ cầu thần tiên. Minh Đế thích đạo Nho, còn cho sứ đi Tây vực, thì làm sao dân lại không ham mê đạo Phật Lão được. (quan đọc quyển phê là : Nghị luận sắc bén). Bài biểu ca tụng hài cốt Phật vừa đưa lên đã làm cho Đường Hiến Tông cả giận trời nào dám can ngăn, nhưng Tống Chân Tông thì lại không cho làm thế là phải. Như vậy thì làm sao dân lại không say đắm Phật Lão ? Còn theo đạo thánh, không biết nó thì không thể ham thích nó được, không thích nó thì không thể vui với nó được ? Vì dân ít có thể biết được nó nên không thể nào khác thế được. Đạo thánh cùng với dị đoan, trái ngược nhau như âm với dương, như ngày với đêm, cái này thịnh thì cái kia suy, cái kia thịnh thì cái này suy, đúng là như vậy (vua phê là đúng). Hàn Tử nói : không đúng thì không đi, không ghen thì không chảy, đều là như vậy.

Thần cúi đầu xin đọc :

Sách thánh nói : Nhà nước ta đặt quan chức, lớn nhỏ cùng mối, trong ngoài nối nhau. Bàn việc cơ mật có Nội mật viện. Giữ các miền có Ngũ đạo quan. Xử kiện tụng có Ngũ hình viện. Chức củ sát có Ngự sử đài, nắm lễ nhạc

Lễ nghi viện. Đào tạo nhân tài có trường học của nước, của lộ. Coi giữ kho tàng xây dựng Nội thị tỉnh. Giữ nơi xa có các quan phủ lộ trấn huyện. Năm phép quân có quân quan các cấp. Những chức việc đó đều vì dân mà đặt ra vậy.

Thế mà mọi việc làm chưa tốt, hình ngục oan phạm, kỷ cương chưa vững, lễ nhạc chưa hưng thịnh, nhân tài chưa nhiều, của cải chưa giàu, hàng hóa chưa lưu thông, đạo đức chưa thấm nhuần, quân dân còn oán trách, tệ xấu chưa trừ, việc tốt chưa thấy. Cớ sao ?

Thần xin trình bày :

Trời dựng hoàng gia, lấy đức làm đầu. Thái Tổ Cao Hoàng đế với trí dũng trời cho dẹp loạn ở đời, cứu muôn dân khỏi cảnh chết đói, diệt trừ được cảnh chinh chiến mọi nơi. Trong buổi đầu dựng nước, thiết lập quan chế, trường mối rõ ràng, lớn nhỏ trong ngoài cùng một hệ thống, đều không ngoài vì dân mà dựng nên. Nói đến việc xếp đặt quan lại cũng đều vì dân mà làm vậy.

Hơn nữa, đến đời Hoàng đế Thái Tông nối ngôi, thì quan chế lại càng rõ ràng. Tiếp đến, đời Hoàng đế Nhân Tông thì quan chế lại càng

hoàn bị. Theo như Kinh Thi nói : không thiếu
không quên, đều làm như sách cũ, Kinh Dịch
nói : đại nhân kế thừa cái sáng mà chiếu tỏa ra
khắp bốn phương, đều là như vậy đó.

Nay

Bệ hạ nói nghiệp tiên thánh, xây dựng mô
mang, thường khuyên quần thần phải làm hết
chức trách, cần dùng người phải vì việc chung
mà đưa lên, vỗ lớn thành giàu, làm rõ có công
chính là ở thời này vậy. Thế mà Bệ hạ vẫn lo
là chưa trị được, còn muốn trị sâu sắc hơn, còn
mong trị cấp thiết hơn.

Tấm lòng bệ hạ như vậy, khiến thần tuy
bất tài, cũng không dám dấu diếm gì, xin dựa
án tâu rằng : Việc yên hay loạn là do các quan.
Từ đó suy ra việc sửa mình hay không của các
quan há chẳng liên quan đến việc yên hay loạn
đó sao ?

Theo thần, thì thời nay, cho rằng cả trăm
quan đều không làm hết chức trách là không
đúng, nhưng nói rằng cả trăm quan đều làm
hết chức trách cũng không đúng. Tại sao lại
nói như vậy? Như Nội mật viện nắm các việc
quan trọng nhà vua đã giao cho tể thần trông
coi, lại còn chọn thêm văn quan để giữ việc, thì

... vị này lại không có cố gì mà không làm, nhưng trong đó quả là không có sai sót hay lo?

Lại như Ngũ đạo quan coi giữ các miền trong nước, bệ hạ đã căn dặn từng người lấy đạo lý để mà trị, lại cử người liêm khiết chăm chỉ làm việc đó. Trong họ tất có kẻ hiền tài, nhưng liệu họ có đều là những người làm hết trách nhiệm không ?

Do đó mọi việc chưa có thể làm tốt hết được. Đến như việc hình, hình luật phải rõ ràng, đã rõ ràng thì không thay đổi được, đó là điều quan trọng của hình quan có thể biết được. Nay trong những người giữ việc ngũ hình, có ai tài giỏi như Thích Chi, Đới Trụ đời trước chưa ? Cho nên, hình ngục tất còn nhiều, còn người sai phạm. Như trên núi có thú dữ thì không ai dám hái rau. Triều đình có quan lại minh trực tất gian tà không thể phạm được. Đó là điều quan trọng mà Giám quan có thể biết. Nay làm việc ở Đài Giám cũng có người như vậy, cũng hiền tài như Trương Cương, Phạm Bằng, tất kỷ cương không thể vững vàng. Việc cai trị yên dân, trước phải có lễ, thay đổi phong tục, trước phải có nhạc, lễ nhạc việc to lớn vậy. Triều đình ta nắm lễ nhạc

vốn thuộc về Lễ nghi viện, việc này làm ở triều đình rất hay, đáng tiếc là chưa thực hành xuống tận dân quê. Việc giáo dục làm tốt thì phong tục đẹp, có tôn sư trọng đạo thì mới có nhiều người giỏi, giáo chức có quan hệ lớn như vậy đó. Triều đình ta, đào tạo người tài là do các trường của nước, của lộ, nhưng việc dạy chú ý đến văn nghệ, cái đáng lo là chưa dạy về đức hạnh. Lại nói đến việc làm giàu thêm của cải, cũng chưa làm đến nơi đến chốn (vua phê là đúng). Hàng hóa chưa lưu thông là do cấm lệnh chưa thi hành đầy đủ, chính là trách nhiệm của Nội thị tỉnh. Thần còn nghe các bậc tiên nho nói rằng : Người cầm lệnh là tướng soái của dân, phải theo đường đúng mà dắt dẫn dân. Cầm lệnh tốt hay không là có làm cho dân được an nhàn hay không ? Do đó người cầm lệnh không thể không là người như vậy. Theo thần thời nay đương cầm lệnh, các quan ở phủ, lộ, trấn, huyện người làm hết chức trách thì ít, mà người làm không hết chức trách thì nhiều. Lấy việc giáo hóa mà nói, cũng chỉ mới xử án, mở khoa thi là cùng, còn nói việc chăm sóc dân thờ phụng người có công thì cũng còn trên sổ sách. Con hiếu cháu hiền, nghĩa phu tiết phụ, triều đình phải quan tâm. Số đáng biểu dương hỏi được mấy người ? Mẹ góa con

không thể tự sinh sống, triều đình phải
úp đỡ, nghe đâu không đến một vài người.
Người trông coi việc này đã mấy ai làm tròn
chức nhiệm (vua phê là đúng). Kinh Dịch lại
viết : "Sư trình đại nhân cát". Lại viết : "Người
đầu ra quân tất phải nắm được quy luật
chiến tranh" không thể không là người như vậy
được. Thần lại nghĩ : người có quyền thế, đang
làm việc quân, xứng chức thì ít, không xứng
chức thì nhiều. Tiếng là quan võ mà thông
đạo vũ lược được mấy người ? Chức là quân
tân mà kẻ am hiểu việc quân được là bao
chiêu ? Thu thuế nặng là việc triều đình cấm,
mà sao vẫn thu lạm tiền nuôi quân. Nuôi nấng
tất cả là bản ý của triều đình, mà sao mấy ai
được hưởng? Những người nắm việc quân này
có đã mấy người làm tròn chức trách. Đạo đức
vừa nhuần thấm, quân dân còn oán giận, điều
này không thể tránh được. Cũng do đó điều xấu
vừa triệt mà điều tốt cũng không thấy hết
được.

Thần cúi đầu xin đọc :

Thánh sách viết : Điều trọng yếu để cai
trị, không ngoài sự hiểu rõ đạo thánh, chính
thân tâm, trừ dị đoan, nắm quan chức, bỏ tệ
lão, làm việc tốt, làm được những việc đó, tất

phải có chức thuật của nó. Sĩ đại phu thông hiểu việc xưa nay, phải đem hiểu biết viết thành sách để nhà vua xem vậy.

Ôi !

Điều mà bệ hạ quan tâm đến đó không chỉ may mắn cho chính đạo mà cũng là điều may mắn lớn cho chính thiên hạ. Theo đạo thánh không thể sáng suốt, lòng người không thể ngay thẳng, thì tà thuyết ắt phải bị trừ diệt, đó là điều quan trọng để trị vậy. Rõ ràng sự sáng suốt của đạo thánh lại có sự ngay thẳng của lòng người, chính là cái gốc để trừ diệt tà thuyết. Cần dùng nhân văn để giáo hóa thiên hạ, sự sáng suốt của đạo thánh chính là chỗ đó. Đạo thánh đã sáng suốt tất lý lẽ sẽ rõ ràng mọi người đều hiểu. Lòng người đã ngay thẳng tất phân biệt được đúng sai thì còn lo gì tai họa của đạo Phật Lão. Hàn Tử nói : người phải trở về bản chất con người phải đốt sách đi, phải bỏ nơi ở cũ, lấy đạo lý để làm sáng tỏ cái đạo của vua trước. Mạnh Tử viết : người quân tử phải trở về con đường chính, đường đã chính, tất dân sẽ hưng thịnh, dân đã hưng thịnh sẽ không sai phạm nữa, đó là điều phải làm. Đến ngay việc trị quan không thể không nắm vững các quan, các tể tướng không thể

không cải cách, mà việc tốt tất phải làm, đều
lên những phương sách trị nước vậy. Mà việc
nắm vững chính sự, nắm chắc các quan lại,
chính là cái gốc để trừ tệ xấu, làm điều tốt.
Phải phải khảo tích, xem rõ đúng sai, việc nắm
chắc các quan chính là như vậy. Đã nắm chắc
các quan, tất chính sự không sai lầm, tệ
bỏ được, tất dân được nhờ, mà việc tốt
không thể không làm được.

Kinh thư viết : việc tốt phải có quan, loạn
phải có chính trị, muôn đời tốt đẹp cho
dân, nhân dân không khổ cực. Đó là điều phải
làm. Phương sách trị nước phải là như vậy.
Nước thuật cần có chính là ở chỗ bề hạ cùng
tiêu đình phải đồng tâm nhất thể vậy (vua
vấn : việc trị nước không hết một câu này).

Kinh Dịch viết : trời đất hòa hợp nhau thì
vật được tươi tốt, trên dưới hòa hợp nhau,
đồng chí cùng đồng, đó là nói về đồng tâm vậy.

Kinh Thư nói : đầu óc sáng suốt, chân tay
nhẹ nhàng, mọi việc đều tốt đẹp, đó là nói về nhất
thể vậy.

Thần mong muốn rằng :

Trên thì bệ hạ, dưới thì các quan trong triều đình, như kinh Dịch nói trên dưới tất phải cùng một chí, như kinh Thư nói đầu óc chân tay tất phải cùng một thể. Vua thì không ngại tự sửa mình, thì chính sự sẽ được tốt đẹp, nhân dân đều thấm nhuần đạo đức, còn lo gì không có cách để làm ngay thẳng lòng người, trừ diệt tà thuyết, còn lo gì không có cách nắm vững các quan, trừ tệ xấu.

Ý kiến của thần là như vậy. Thần không biết lời nói đó có sai, có ngông cuồng không, nếu là lời nói của kẻ ngông cuồng, cũng xin thánh nhân chọn lựa.

Thần cúi đầu mong muốn :

Bệ hạ chọn được những điều cần chọn thì kẻ hạ thần vô cùng may mắn !

Thần kính cẩn xin dâng.

Lương Thế Vinh

Vua phê :

Quyển này rõ ràng không hổ danh là một bài đối sách, văn càng đọc càng cảm thấy thích thú.

Khảo quan phụng phê :

Quyển này có học thức, xứng đáng đầu
ầu.

Các quan đọc quyển : Thân

Nguyễn Như Đỗ

Nguyễn Phục

Đào Tuấn

Nguyễn Vĩnh Tích

Nguyễn Bá Ký

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Chương I-

Thời niên thiếu và những chuyện lý thú

1. Thời thơ ấu

2. Những giai thoại, những chuyện lý thú

 Xoá nợ cho gia đình

 Voi đất biết cử động, biết đi

 Ô toán học

 Một bài toán đố các quan đại thần

 Trạng toán cân voi

 Ông Trạng mê nghệ thuật dân tộc

 Thú chơi điều

 Tôn sư trọng đạo, thầy nào trò ấy

 Quan Trạng và vua xướng, họa

 Ông vua trẻ đùa với quan Trạng

 Quan Trạng nói thẳng, nói thật

 Trạng Lương với nghề thương mại

 Lương Thế Vinh với cô gái hàng Đào

<i>Bốn lần thoát mưu sâu của kẻ thù</i>	
Nước Đại Việt dưới thời vua Lê Thánh Tông	36
Thách đố để phát hiện trẻ thông minh	38
Thách đố lần thứ hai, khách vẫn thua cuộc	40
Lần thứ ba, khách mắc lõm	42
Lần thứ tư, khách lại về không	45

Lương II-

Trưởng thành và cống hiến

<i>Chế độ thi cử</i>	49
<i>Văn sách thi Đình</i>	51
<i>Vua tin dùng người có đức, có tài</i>	54
Một ông quan chính trực	56
Một nhà ngoại giao mềm mỏng nhưng kiên quyết	60
Một nhà giáo, một nhà toán học hiếm có	61
Một nhà nghiên cứu nghệ thuật sâu sắc	64
Một nhà văn, một nhà thơ yêu nước	68
Một nhà nghiên cứu Phật học	72
<i>Đoạn kết kể chuyện Trạng Lương</i>	74

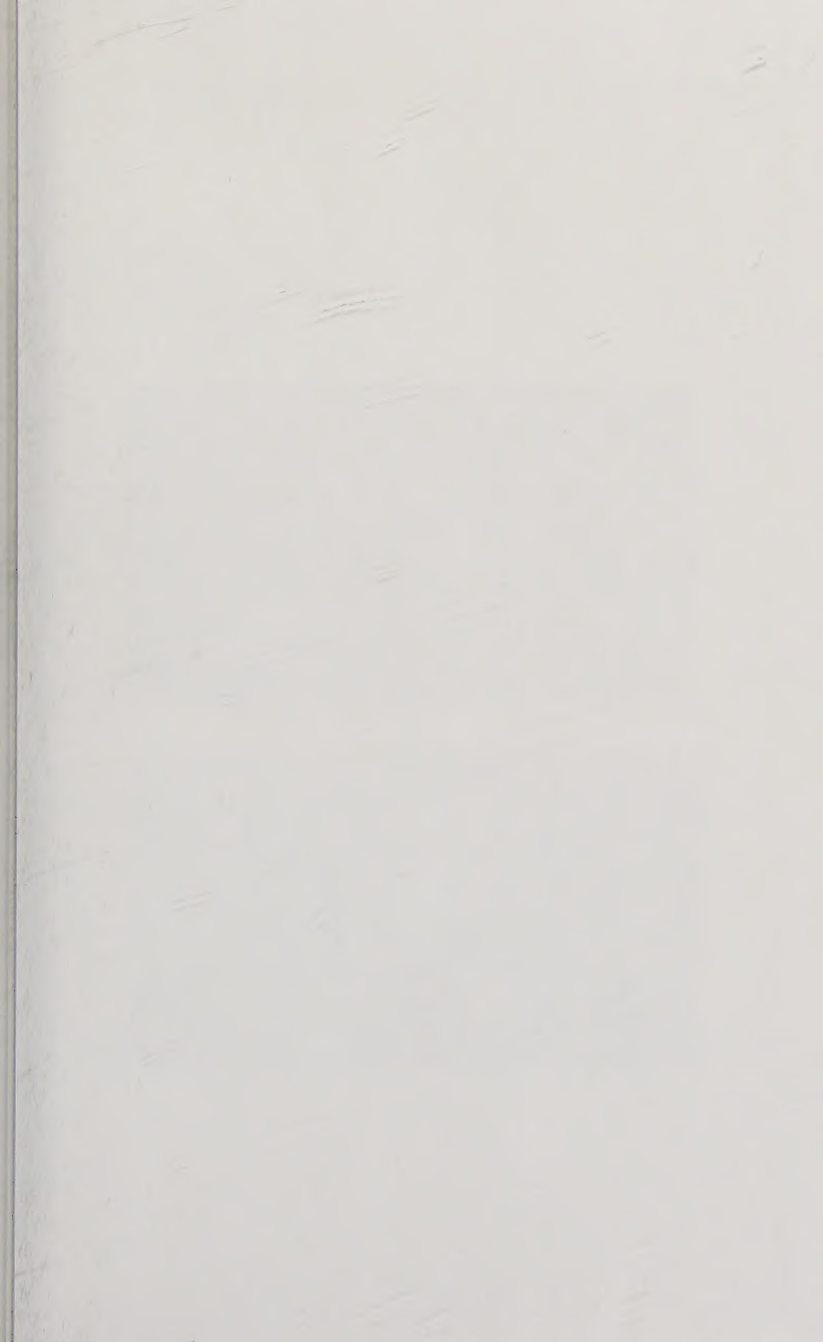
Phụ lục

Bài Văn sách thi Đình khoa Quý mùi (1463) của Trạng nguyên Lương Thế Vinh (bản dịch)	78
---	----

Hoàng Liên

- Sinh ngày 4 tháng 3 năm 1924 tại Hà Nội
- Học Trường Bưởi (1938 - 1942)
- Học tại chức trường ĐH Bách khoa (1970-1973)
- Nguyên cố vấn Văn phòng TƯ Đảng CS Việt nam

(đã nghỉ hưu)

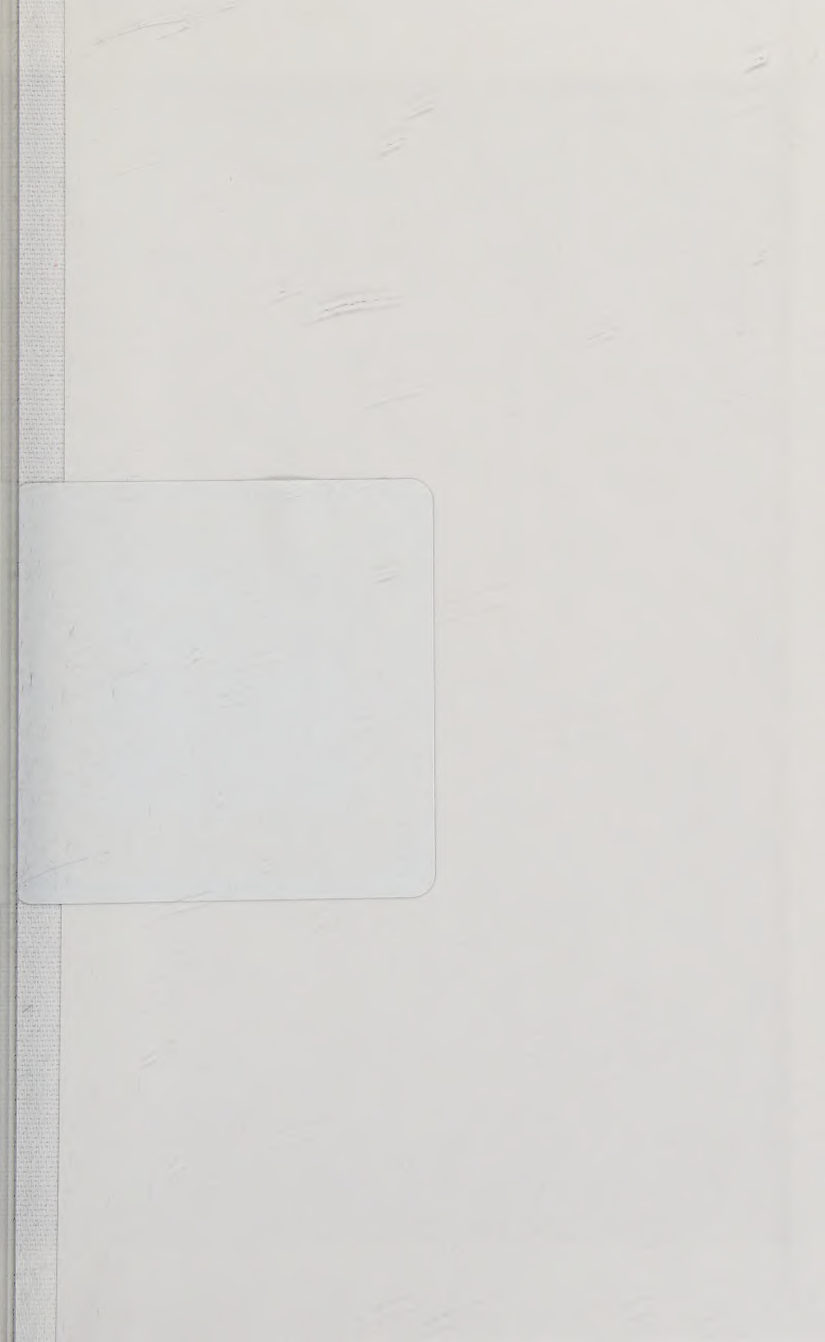


+ VI
B L964H

Hoang, Lien.
Ke chuyen Trang Luong
1441-1496
Alief JUV CIRC
4/05

halix
Houston Public Library

DISCARD



halix

ISBN 1-4155-8281-5



P9-BOW-032

